

10. DIỄN GIẢI KINH TRƯỚC KHI HOẠI RÃ (*PURĀBHEDASUTTANIDDESO*)

Giờ phân “Diễn giải kinh trước khi hoại rã” được nói đến:

10.1. *Có sự hiểu biết thế nào, có giới thế nào, được gọi là “yên tịnh”? Thưa Ngài Gotama, được hỏi về con người tối thượng, xin Ngài hãy nói cho tôi về vị ấy.*

Có sự hiểu biết thế nào, có giới thế nào, được gọi là “yên tịnh”?

Có sự hiểu biết thế nào: Được thành tựu sự hiểu biết như thế nào, được hình thành thế nào, có kiểu cách gì, có biểu hiện gì. “Có sự hiểu biết thế nào” là như thế.

Có giới thế nào: Được thành tựu giới như thế nào, được hình thành thế nào, có kiểu cách gì, có biểu hiện gì. “Có sự hiểu biết thế nào, có giới thế nào” là như thế.

Được gọi là “yên tịnh”: Được gọi là, được nói ra, được thuyết giảng, được phát ngôn, được giảng giải, được diễn tả là an tịnh, yên tịnh, vắng lặng, không còn khao khát, tịch diệt, tịch tịnh. “Có sự hiểu biết thế nào” là hỏi về thắng tuệ; “có giới thế nào” là hỏi về thắng giới; “yên tịnh” là hỏi về thắng tâm.

“Có sự hiểu biết thế nào, có giới thế nào, được gọi là ‘yên tịnh’?” là như thế.

Thưa Ngài Gotama, xin Ngài hãy nói cho tôi về vị ấy.

Vị ấy: Là vị tôi hỏi, vị tôi yêu cầu, vị tôi thỉnh cầu, vị tôi đặt niềm tin.

Thưa Ngài Gotama: Vị [Phật] đã được hóa hiện ấy xung hô với đức Phật Thế Tôn bằng họ.

Xin Ngài hãy nói về: Xin Ngài hãy nói, hãy nêu ra, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ.

“Thưa Ngài Gotama, xin Ngài hãy nói cho tôi về vị ấy” là như thế.

Được hỏi về con người tối thượng.

Được hỏi về: Được vấn, được hỏi, được yêu cầu, được thỉnh cầu, được đặt niềm tin.

Con người tối thượng: Là con người cao cả, nhất hạng, thù thắng, dẫn đầu, tối thượng, cao quý.

“Được hỏi về con người tối thượng” là như thế.

Vì thế, vị [Phật] do thần thông biến hóa ra¹ đã hỏi rằng:

“Có sự hiểu biết thể nào, có giới thể nào, được gọi là ‘yên tịnh’? Thưa Ngài Gotama, được hỏi về con người tối thượng, xin Ngài hãy nói cho tôi về vị ấy.”

10.2. [Đức Thế Tôn nói:] *“Vị có tham ái đã được xa lìa trước khi hoại rã [thân xác] thì không nương tựa vào thời gian trước [quá khứ], không thể phân hạng vào khoảng giữa [hiện tại]; đối với vị ấy, việc chú trọng [vị lai] là không có.”*

Vị có tham ái đã được xa lìa trước khi hoại rã [thân xác]: Trước khi hoại rã thân thể, trước khi hoại rã bản thân, trước khi quăng bỏ thân xác, trước khi cắt đứt mạng quyền, vị có tham ái đã được xa lìa, có tham ái đã được tách lìa, có tham ái đã được từ bỏ, có tham ái đã được tẩy trừ, có tham ái đã được giải thoát, có tham ái đã được dứt bỏ, có tham ái đã được buông bỏ, có luyến ái đã được xa lìa, có luyến ái đã được tách lìa, có luyến ái đã được từ bỏ, có luyến ái đã được tẩy trừ, có luyến ái đã được giải thoát, có luyến ái đã được dứt bỏ, có luyến ái đã được buông bỏ, không còn khao khát, được tịch diệt, có trạng thái mát mẻ, có sự cảm thọ lạc, sống với trạng thái cao thượng tự thân.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính. Thêm nữa, “vị có luyến ái đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có sân hận đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có si mê đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có ngã mạn đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có tà kiến đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có cây gai đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có ô nhiễm đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị đã phân phát, đã phân chia, đã phân phối Pháp bảo” là đức Thế Tôn; “vị thực hiện sự chấm dứt các hữu” là đức Thế Tôn; “vị có thân đã được tu tập, có giới đã được tu tập, có tâm đã được tu tập, có tuệ đã được tu tập” là đức Thế Tôn; “vị đã thân cận các khu rừng, các nơi heo hút, các chỗ trú ngụ xa vắng có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về y phục, đồ ăn khát thực, chỗ nằm ngồi, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về vị của mục đích, về vị của pháp, về vị của giải thoát, về thắng giới, về thắng tâm, về thắng tuệ” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về bốn thiền, về bốn vô lượng [tâm], về bốn sự thể nhập vô sắc” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về tám giải thoát, về tám thắng xứ [của thiền], về chín sự thể nhập và an trú theo tuần tự” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về mười sự tu tập về tướng, về mười sự thể nhập các đề mục *kasīṇa*, về định niệm hơi thở vào hơi thở ra, về sự thể nhập các đề mục từ thi” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa

¹ Nhằm tế độ chư thiên và nhân loại thuộc 6 tánh khác nhau (tánh tham, tánh sân, tánh si, tánh tầm, tánh tín, tánh giác), đức Phật đã dùng thần thông hóa hiện ra một vị Phật thứ hai cùng với 1.250 vị Tỷ-khưu đi đến nơi ấy bằng đường không trung, và vị Phật đã được hóa hiện ra ấy đã hỏi câu hỏi trên. Đức Phật đã hướng tâm đến các chúng sanh có tánh giác trong lúc thuyết bài *Kinh Purābheda* này (*Nidā*. II. 316).

đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về mười Như Lai lực, về bốn pháp tự tin, về bốn tuệ phân tích, về sáu thắng trí, về sáu pháp của đức Phật” là đức Thế Tôn.

Thế Tôn: Tên gọi này không do mẹ tạo ra, không do cha tạo ra, không do anh [em] trai tạo ra, không do chị [em] gái tạo ra, không do bạn bè hoặc thân hữu tạo ra, không do các thân quyến và những người cùng huyết thống tạo ra, không do các Sa-môn hoặc Bà-la-môn tạo ra, không do chư thiên tạo ra, sự tận cùng của giải thoát này là sự quy định thuộc về chư Phật Thế Tôn do sự đạt được, do sự chứng ngộ trí Toàn tri ở cội cây Bồ-đề, tức là “đức Thế Tôn.”

“Vị có tham ái đã được xa lìa trước khi hoại rã [thân xác]” là như thế.

Không nương tựa vào thời gian trước: Thời gian trước nói đến thời quá khứ. Liên quan đến thời quá khứ, tham ái là đã được dứt bỏ, tà kiến là đã được buông bỏ; do trạng thái đã được dứt bỏ đối với tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với tà kiến. Như vậy là “không nương tựa vào thời gian trước.” Hoặc là [nghĩ rằng]: “Ta đã có sắc như vậy vào thời quá khứ”, rồi không tự lấy làm vui mừng về điều ấy. “Ta đã có thọ như vậy... “Ta đã có tưởng như vậy... “Ta đã có hành như vậy... “Ta đã có thức như vậy vào thời quá khứ”, rồi không tự lấy làm vui mừng về điều ấy. Như vậy cũng là “không nương tựa vào thời gian trước.” Hoặc là [nghĩ rằng]: “Mắt của ta đã là như vậy vào thời quá khứ, các sắc đã là như vậy”, thức không bị trói buộc vào sự mong muốn và luyến ái về điều ấy; do không có trạng thái bị trói buộc vào sự mong muốn và luyến ái của thức, nên không thích thú điều ấy; trong khi không thích thú điều ấy. Như vậy cũng là “không nương tựa vào thời gian trước.” “Tai của ta đã là như vậy vào thời quá khứ, các thanh đã là như vậy”,... “Mũi của ta đã là như vậy vào thời quá khứ, các hương đã là như vậy”,... “Lưỡi của ta đã là như vậy vào thời quá khứ, các vị đã là như vậy”,... “Thân của ta đã là như vậy vào thời quá khứ, các xúc đã là như vậy”,... “Ý của ta đã là như vậy vào thời quá khứ, các pháp đã là như vậy”, thức không bị trói buộc vào sự mong muốn và luyến ái về điều ấy; do trạng thái không bị trói buộc vào sự mong muốn và luyến ái của thức, nên không thích thú điều ấy; trong khi không thích thú điều ấy. Như vậy cũng là “không nương tựa vào thời gian trước.” Hoặc là các việc cười hót, chuyện trò, đùa giỡn nào với người nữ đã có trước đây, thì không hứng thú điều ấy, không khao khát điều ấy, và không do điều ấy mà đạt được sự vui lòng.

Như vậy cũng là “không nương tựa vào thời gian trước.”

Không thể phân hạng vào khoảng giữa: Khoảng giữa nói đến thời hiện tại. Liên quan đến thời hiện tại, tham ái là đã được dứt bỏ, tà kiến là đã được buông bỏ; do trạng thái đã được dứt bỏ đối với tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với tà kiến, không thể phân hạng là “bị luyến ái”, không thể phân hạng là “bị sân hận”, không thể phân hạng là “bị si mê”, không thể phân hạng là “bị trói buộc”, không thể phân hạng là “bị bám víu”, không thể phân hạng là “bị tán loạn”, không thể phân hạng là “không dứt khoát”, không thể phân hạng là

“cứng cỏi”; các pháp tạo tác ấy là đã được dứt bỏ; do trạng thái đã được dứt bỏ đối với các pháp tạo tác, không thể phân hạng theo cảnh giới tái sanh là “người địa ngục”, hoặc “loài thú”, hoặc “thân phận nga quý”, hoặc “loài người”, hoặc “thiên nhân”, hoặc “người hữu sắc”, hoặc “người vô sắc”, hoặc “người hữu tướng”, hoặc “người vô tướng”, hoặc “người phi tướng phi phi tướng”? Không có nhân, không có duyên, không có lý do, mà bởi điều ấy vị ấy có thể đi đến sự phân hạng.

“Không thể phân hạng vào khoảng giữa” là như thế.

Đối với vị ấy, việc chú trọng là không có.

Đối với vị ấy: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Việc chú trọng: Có hai sự chú trọng: Chú trọng do tham ái và chú trọng do tà kiến... (nt)... điều này là chú trọng do tham ái... (nt)... điều này là chú trọng do tà kiến. Đối với vị ấy, sự chú trọng do tham ái đã được dứt bỏ, sự chú trọng do tà kiến đã được buông bỏ; do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự chú trọng do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự chú trọng do tà kiến, vị ấy sống không chú trọng tham ái hoặc tà kiến, không có tham ái là ngọn cỏ, không có tham ái là biểu hiện, không có tham ái là chủ đạo, không có tà kiến là ngọn cỏ, không có tà kiến là biểu hiện, không có tà kiến là chủ đạo, vị ấy sống không bị vây quanh bởi tham ái hoặc bởi tà kiến. “Đối với vị ấy, việc chú trọng là không có” là như vậy. Hoặc là [nghĩ rằng]: “Ta sẽ có sắc như vậy vào thời vị lai”, rồi không tự lấy làm vui mừng về điều ấy. Như vậy là “đối với vị ấy, việc chú trọng là không có.” “Ta sẽ có thọ như vậy... “Ta sẽ có tướng như vậy... “Ta sẽ có hành như vậy... “Ta sẽ có thức như vậy vào thời vị lai”, rồi không tự lấy làm vui mừng về điều ấy. Như vậy cũng là “đối với vị ấy, việc chú trọng là không có.” Hoặc là [nghĩ rằng]: “Mắt của ta sẽ là như vậy vào thời vị lai, các sắc sẽ là như vậy”, rồi không chuyên chú tâm vào việc đạt được điều chưa đạt được; do duyên không chuyên chú của tâm nên không thích thú điều ấy; trong khi không thích thú điều ấy. Như vậy cũng là “đối với vị ấy, việc chú trọng là không có”; “Tai của ta sẽ là như vậy vào thời vị lai, các thanh sẽ là như vậy”,... “Mũi của ta sẽ là như vậy vào thời vị lai, các hương sẽ là như vậy”,... “Lưỡi của ta sẽ là như vậy vào thời vị lai, các vị sẽ là như vậy”,... “Thân của ta sẽ là như vậy vào thời vị lai, các xúc sẽ là như vậy”,... “Ý của ta sẽ là như vậy vào thời vị lai, các pháp sẽ là như vậy”, rồi không chuyên chú tâm vào việc đạt được điều chưa đạt được; do duyên không chuyên chú của tâm nên không thích thú điều ấy; trong khi không thích thú điều ấy. Như vậy cũng là “đối với vị ấy, việc chú trọng là không có.” Hoặc là: “Với giới này, hay với phận sự này, hay với sự khắc khổ này, hay với Phạm hạnh này, ta sẽ trở thành Thiên vương hoặc một thiên nhân nào đó”, rồi không chuyên chú tâm vào việc đạt được điều chưa đạt được; do duyên không chuyên chú của tâm nên không thích thú điều ấy; trong khi không thích thú điều ấy.

Như vậy cũng là “đối với vị ấy, việc chú trọng là không có.”

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói:] “Vị có tham ái đã được xa lìa trước khi hoại rã [thân xác] thì không nương tựa vào thời gian trước [quá khứ]; không thể phân hạng vào khoảng giữa [hiện tại]; đối với vị ấy, việc chú trọng [vị lai] là không có.”

10.3. *Không có sự giận dữ, không có sự kinh sợ, không có sự phô trương, không có sự hối hận, có lời nói khôn khéo, không bị phóng túng; vị ấy quả thật là bậc Hiền trí đã kiểm chế về khẩu.*

Không có sự giận dữ, không có sự kinh sợ.

Bởi vì “**sự không giận dữ**” được nói đến, như thế sự giận dữ cũng nên được nói đến. Sự giận dữ sanh khởi theo mười biểu hiện: [nghĩ rằng:] “Nó đã làm điều bất lợi cho ta”, giận dữ sanh khởi; [nghĩ rằng:] “Nó đang làm điều bất lợi cho ta”, giận dữ sanh khởi; [nghĩ rằng:] “Nó sẽ làm điều bất lợi cho ta”, giận dữ sanh khởi; [nghĩ rằng:] “Nó đã làm điều bất lợi... đang làm điều bất lợi... sẽ làm điều bất lợi cho người yêu quý, hợp ý của ta”, giận dữ sanh khởi; [nghĩ rằng:] “Nó đã làm điều có lợi... đang làm điều có lợi... sẽ làm điều có lợi cho người không yêu quý, không hợp ý của ta”, giận dữ sanh khởi; thêm nữa là sự giận dữ sanh khởi vô cớ. Sự tức tối nào của tâm có hình thức như vậy là sự tức giận, sự thù hận, sự đố kỵ, sự căm giận, sự căm hờn, sự căm ghét, sự sân hận, sự khởi sân, sự sân nộ, sự độc ác của tâm, sự khởi sân của ý, sự giận dữ, biểu hiện giận dữ, trạng thái giận dữ, sự sân hận, biểu hiện sân hận, trạng thái sân hận, sự tức giận, biểu hiện tức giận, trạng thái tức giận, sự chống đối, sự đố kỵ, sự tàn nhẫn, sự lỗ mãng, trạng thái không hoan hỷ của tâm; điều này được gọi là sự giận dữ.

Thêm nữa, trạng thái nhiều ít của sự giận dữ nên được biết đến: Có lúc sự giận dữ là ở mức độ làm xáo trộn tâm, nhưng chưa nhúu mày nhăn mặt; có lúc sự giận dữ là ở mức độ nhúu mày nhăn mặt, nhưng chưa nghiêng hai hàm răng; có lúc sự giận dữ là ở mức độ nghiêng hai hàm răng, nhưng chưa thốt ra lời nói thô lỗ; có lúc sự giận dữ là ở mức độ thốt ra lời nói thô lỗ, nhưng chưa nhìn quanh các hướng [tìm vũ khí]; có lúc sự giận dữ là ở mức độ nhìn quanh các hướng [tìm vũ khí], nhưng chưa nắm lấy gậy gộc gươm đao; có lúc sự giận dữ là ở mức độ nắm lấy gậy gộc gươm đao, nhưng chưa giơ gậy gộc gươm đao lên; có lúc sự giận dữ là ở mức độ giơ gậy gộc gươm đao lên, nhưng chưa giáng gậy gộc gươm đao xuống; có lúc sự giận dữ là ở mức độ giáng gậy gộc gươm đao xuống, nhưng chưa làm việc băm chém; có lúc sự giận dữ là ở mức độ làm việc băm chém, nhưng chưa có sự tổn thương gãy vỡ; có lúc sự giận dữ là ở mức độ có sự tổn thương gãy vỡ, nhưng chưa có sự đứt lìa các phần cơ thể; có lúc sự giận dữ là ở mức độ có sự đứt lìa các phần cơ thể, nhưng chưa có sự đoạt lấy mạng sống; có lúc sự giận dữ là ở mức độ có sự đoạt lấy mạng sống, nhưng chưa đến mức buông bỏ tất cả, luôn cả việc tự sát. Khi nào sự giận dữ khiến cho giết chết người khác rồi giết chết mình, đến chừng ấy thì sự giận dữ [của người ấy] đã đạt đến mức quá lỗ, đã đạt đến mức tận cùng.

Đối với người nào, sự giận dữ ấy đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, người ấy được gọi là không có sự giận dữ. Trạng thái đã dứt bỏ đối với sự giận dữ là “không có sự giận dữ.” Trạng thái đã biết toàn diện về nền tảng của sự giận dữ là “không có sự giận dữ.” Trạng thái đã chặt đứt nhân của sự giận dữ là “không có sự giận dữ.” “Không có sự giận dữ” là như thế.

Không có sự kinh sợ: Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó có sự run sợ, có sự khiếp sợ, có sự hoảng sợ, vị ấy run sợ, khiếp sợ, hoảng sợ, sợ hãi, rơi vào sự kinh sợ [nghĩ rằng]: “Tôi không đạt được gia đình, tôi không đạt được đồ chúng, tôi không đạt được chỗ ngụ, tôi không đạt được lợi lộc, tôi không đạt được danh vọng, tôi không đạt được sự khen ngợi, tôi không đạt được hạnh phúc, tôi không đạt được y phục, tôi không đạt được vật thực, tôi không đạt được chỗ ở, tôi không đạt được vật dụng là thuốc men chữa bệnh, hoặc tôi không đạt được người chăm sóc bệnh, tôi không được biết đến”; như thế là run sợ, khiếp sợ, hoảng sợ, sợ hãi, rơi vào sự kinh sợ.

Ở đây, vị Tỳ-khuru là không có sự kinh sợ, không có sự khiếp sợ, không có sự hoảng sợ, vị ấy không run sợ, không khiếp sợ, không hoảng sợ, không sợ hãi, không rơi vào sự kinh sợ [nghĩ rằng]: “Tôi không đạt được gia đình, tôi không đạt được đồ chúng, tôi không đạt được chỗ ngụ, tôi không đạt được lợi lộc, tôi không đạt được danh vọng, tôi không đạt được sự khen ngợi, tôi không đạt được hạnh phúc, tôi không đạt được y phục, tôi không đạt được vật thực, tôi không đạt được chỗ ở, tôi không đạt được vật dụng là thuốc men chữa bệnh, hoặc tôi không đạt được người chăm sóc bệnh, tôi không được biết đến”; như thế là không run sợ, không khiếp sợ, không hoảng sợ, không sợ hãi, không rơi vào sự kinh sợ.

“Không có sự giận dữ, không có sự kinh sợ” là như thế.

Không có sự phô trương, không có sự hối hận: Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó có sự khoe khoang, có sự phô trương, vị ấy khoe khoang, phô trương rằng: “Tôi thành tựu về giới”, hoặc “tôi thành tựu về phạm sự”, hoặc “tôi thành tựu về giới và phạm sự”; khoe khoang, phô trương về xuất thân, về dòng họ, về con nhà gia thế, về vẻ đẹp của làn da, về tài sản, về học vấn, về công việc, về tài nghệ, về kiến thức, về sự học hỏi, về tài biện giải, hoặc về sự việc này khác rằng: “Tôi xuất gia từ gia tộc thượng lưu”, hoặc “tôi xuất gia từ gia tộc lớn”, hoặc “tôi xuất gia từ gia tộc có nhiều của cải”, hoặc “tôi xuất gia từ gia tộc có của cải quý giá”, hoặc “tôi được biết tiếng, có danh vọng trong số các hàng tại gia và xuất gia”, hoặc “tôi có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh”, hoặc “tôi là vị chuyên về kinh”, hoặc “tôi là vị trì luật”, hoặc “tôi là vị thuyết pháp”, hoặc “tôi là vị ngụ ở rừng”, hoặc “tôi là vị ngụ ở gốc cây”, hoặc “tôi là vị chuyên đi khát thực”, hoặc “tôi là vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ”, hoặc “tôi là vị chỉ sử dụng ba y”, hoặc “tôi là vị đi

khất thực tuần tự theo từng nhà”, hoặc “tôi là vị không ăn vật thực dăng sau”, hoặc “tôi là vị chuyên về oai nghi ngồi” (không nằm), “tôi là vị ở chỗ đã được chỉ định”, hoặc “tôi đạt Sơ thiên”, hoặc “tôi đạt Nhị thiên”, hoặc “tôi đạt Tam thiên”, hoặc “tôi đạt Tứ thiên”, hoặc “tôi đạt sự thể nhập Không vô biên xứ”, hoặc “tôi đạt sự thể nhập Thức vô biên xứ”, hoặc “tôi đạt sự thể nhập Vô sở hữu xứ”, hoặc “tôi đạt sự thể nhập Phi tướng phi phi tướng xứ.” Vị không khoe khoang, không phô trương như vậy là vị đã tránh khỏi sự khoe khoang, khỏi sự phô trương, đã xa lánh, đã tránh xa, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. “Không có sự phô trương” là như thế.

Không có sự hối hận.

Hối hận: Vẽ bối rồi ở bàn tay cũng là hối hận, vẽ bối rồi ở bàn chân cũng là hối hận, làm tướng là được phép trong việc không được phép, làm tướng là không được phép trong việc được phép, làm tướng là đúng thời vào lúc phi thời, làm tướng là phi thời vào lúc đúng thời, làm tướng là có tội ở việc vô tội, làm tướng là vô tội ở việc có tội. Sự hối hận nào có hình thức như vậy là biểu hiện hối hận, trạng thái hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rồi của ý, việc này gọi là hối hận.

Thêm nữa, sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rồi của ý sanh lên do hai nguyên nhân: Do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm. Thế nào là sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rồi của ý sanh lên do trạng thái đã làm và do trạng thái không làm? Sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rồi của ý sanh lên rằng: “Ta đã làm uế hạnh về thân, ta đã không làm thiện hạnh về thân.” Sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rồi của ý sanh lên rằng: “Ta đã làm uế hạnh về khẩu, ta đã không làm thiện hạnh về khẩu.” Sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rồi của ý sanh lên rằng: “Ta đã làm uế hạnh về ý, ta đã không làm thiện hạnh về ý.” Sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rồi của ý sanh lên rằng: “Ta đã giết hại sinh mạng, ta đã không tránh xa sự giết hại sinh mạng.” Sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rồi của ý sanh lên rằng: “Ta đã trộm cắp, ta đã không tránh xa sự trộm cắp.” Sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rồi của ý sanh lên rằng: “Ta đã tà hạnh trong các dục, ta đã không tránh xa sự tà hạnh trong các dục.” Sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rồi của ý sanh lên rằng: “Ta đã nói dối, ta đã không tránh xa việc nói dối.”... “Ta đã nói đâm thọc, ta đã không tránh xa việc nói đâm thọc.”... “Ta đã nói thô lỗ, ta đã không tránh xa việc nói thô lỗ.”... “Ta đã nói nhảm nhí, ta đã không tránh xa việc nói nhảm nhí.”... “Ta đã hành động tham đắm, ta đã không hành động không tham đắm.”... “Ta đã hành động sân hận, ta đã không hành động không sân hận.”... “Ta đã thực hành tà kiến, ta đã không thực hành chánh kiến.” Như vậy là sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rồi của ý sanh lên do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm.

Hoặc là sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rồi của ý sanh lên rằng: “Ta không phải là người thực hành đầy đủ các giới.” Sự hối hận, sự ăn năn của tâm,

sự bối rối của ý sanh lên rằng: “Ta là người có các giác quan không được gìn giữ.”... “Ta là người không biết chừng mực về vật thực.”... “Ta chưa luyện tập về tỉnh thức.”... “Ta chưa đầy đủ niệm và sự nhận biết rõ.”... “Bốn sự thiết lập niệm chưa được ta tu tập.”... “Bốn chánh căn chưa được ta tu tập.”... “Bốn nền tảng của thần thông chưa được ta tu tập.”... “Năm quyền chưa được ta tu tập.”... “Năm lực chưa được ta tu tập.”... “Bảy yếu tố đưa đến giác ngộ chưa được ta tu tập.”... “Đạo lộ Thánh thiện tám chi phần chưa được ta tu tập.”... “Khổ chưa được ta biết toàn diện.”... “Tập chưa được ta dứt bỏ.”... “Đạo chưa được ta tu tập.”... “Diệt chưa được ta chứng ngộ.” Đối với người nào, sự hối hận ấy đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, người ấy được gọi là không có sự hối hận.

“Không có sự phô trương, không có sự hối hận” là như thế.

Có lời nói khôn khéo, không bị phóng túng. Khôn khéo được gọi là tuệ. Tuệ là sự nhận biết,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến. Sau khi nắm vững sự khôn khéo rồi nói lời nói, dầu thuyết nhiều, dầu phát ngôn nhiều, dầu giảng giải nhiều, dầu diễn tả nhiều, cũng không nói lời nói được thuyết vụng về, được phát ngôn vụng về, được đối đáp vụng về, được thốt ra vụng về, được nói vụng về. “Có lời nói khôn khéo” là như thế.

Không bị phóng túng: Ở nơi ấy, sự phóng dật là việc nào? Sự phóng dật nào của tâm là sự không vắng lặng, là sự tán loạn của ý, là trạng thái bị rối loạn của tâm, việc này là sự phóng dật của tâm. Đối với người nào, sự phóng dật ấy đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; người ấy được gọi là không bị phóng túng.

“Có lời nói khôn khéo, không bị phóng túng” là như thế.

Vị ấy quả thật là bậc Hiền trí đã kiềm chế về khẩu: Ở đây, vị Tỳ-khưu sau khi dứt bỏ việc nói dối, là người tránh xa việc nói dối, có lời nói chân thật, liên quan đến sự thật, chắc chắn, đáng tin, không lường gạt thế gian. Sau khi dứt bỏ lời nói đâm thọc, là người tránh xa lời nói đâm thọc; sau khi nghe ở chỗ này, không là người nói lại ở chỗ kia nhằm chia rẽ những người này, hoặc là sau khi nghe ở chỗ kia, không là người nói lại cho những người này nhằm chia rẽ những người kia; như vậy là người kết hợp những kẻ đã bị chia rẽ, là người khuyến khích những kẻ hòa hợp, là người thỏa thích việc hợp nhất, thích thú việc hợp nhất, hân hoan việc hợp nhất, là người nói lời tạo ra sự hợp nhất. Sau khi dứt bỏ lời nói thô lỗ, là người tránh xa lời nói thô lỗ; lời nói nào là dịu ngọt, êm tai, đáng yêu, đi vào tim, tao nhã, làm đẹp lòng nhiều người, làm hợp ý nhiều người, là người nói lời có hình thức như thế. Sau khi dứt bỏ việc nói nhảm nhí, là người tránh xa việc nói nhảm nhí, là người nói đúng thời, nói về sự thật, nói về mục đích, nói về Pháp, nói về Luật, là người nói lời có giá trị, hợp thời, có lý lẽ, có chủ đề, liên quan đến mục đích. Là người được thành tựu

bốn thiện hạnh về khẩu, [vị ấy] nói lời nói tránh xa bốn sự sai trái, là vị đã tránh khỏi ba mươi hai việc nói phù phiếm, đã xa lánh, đã tránh xa, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

Là người nói về mười đề tài nói chuyện, như là nói về ít ham muốn, nói về sự tự biết đủ, nói về viễn ly, nói về không giao du, nói về sự ra sức tinh tấn, nói về giới, nói về định, nói về tuệ, nói về giải thoát, nói về sự biết và thấy về giải thoát,² nói về sự thiết lập niệm, nói về chánh cần, nói về nền tảng của thân thông, nói về quyền, nói về lực, nói về yếu tố đưa đến giác ngộ, nói về Đạo, nói về Quả, nói về Niết-bàn; là người đã kiểm chế ở lời nói, đã cố sức, đã kiểm giữ, đã bảo vệ, đã gìn giữ, đã hộ trì, đã vắng lặng.

Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí, tức là tuệ, là sự nhận biết,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến,... (nt)... đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là Hiền trí.

“Vị ấy quả thật là bậc Hiền trí đã kiểm chế về khẩu” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Không có sự giận dữ, không có sự kinh sợ, không có sự phô trương, không có sự hối hận, có lời nói khôn khéo, không bị phóng túng; vị ấy quả thật là bậc Hiền trí đã kiểm chế về khẩu.”

10.4. Vị không có sự dính mắc ở tương lai, không sầu muộn về quá khứ, nhìn thấy sự viễn ly ở các xúc, và không bị dẫn đi bởi các tà kiến.

Vị không có sự dính mắc ở tương lai: Sự dính mắc nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với người nào, sự dính mắc, tham ái ấy đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ. Như vậy là “vị không có sự dính mắc ở tương lai.” Hoặc là [nghĩ rằng:] “Ta sẽ có sắc như vậy vào thời vị lai”, rồi không tự lấy làm vui mừng về điều ấy; “Ta sẽ có thọ như vậy... “Ta sẽ có tưởng như vậy... “Ta sẽ có hành như vậy... “Ta sẽ có thức như vậy vào thời vị lai”, rồi không tự lấy làm vui mừng về điều ấy. Như vậy cũng là “vị không có sự dính mắc ở tương lai.” Hoặc là [nghĩ rằng:] “Mắt của ta sẽ là như vậy vào thời vị lai, các sắc sẽ là như vậy”, rồi không chuyên chú tâm vào việc đạt được điều chưa đạt được. Do duyên không chuyên chú của tâm, rồi không thích thú điều ấy; trong khi không thích thú điều ấy. Như vậy cũng là “vị không có sự dính mắc ở tương lai.” “Tai của ta sẽ là như vậy vào thời vị lai, các thanh sẽ là như vậy”,... “Ý của ta sẽ là như vậy vào thời vị lai, các pháp sẽ là như vậy”, rồi không chuyên chú tâm vào việc đạt được điều chưa đạt được. Do duyên không chuyên chú của tâm, rồi không thích thú điều ấy; trong khi không thích thú điều ấy. Như vậy cũng là “vị

² Xem chú thích 6 ở trang 23. (ND)

không có sự dính mắc ở tương lai.” Hoặc là [nghĩ rằng:] “Với giới này, hay với phận sự này, hay với sự khắc khổ này, hay với Phạm hạnh này, ta sẽ trở thành Thiên vương hoặc một thiên nhân nào đó”, rồi không chuyên chú tâm vào việc đạt được điều chưa đạt được. Do duyên không chuyên chú của tâm, rồi không thích thú điều ấy; trong khi không thích thú điều ấy.

Như vậy cũng là “vị không có sự dính mắc ở tương lai.”

Không sầu muộn về quá khứ: Không sầu muộn về vật đã bị biến đổi; hoặc không sầu muộn khi vật bị biến đổi; [nghĩ rằng:] “Mắt của ta bị biến đổi” mà không sầu muộn; [nghĩ rằng:] “Tai của ta... Mũi của ta... Lưỡi của ta... Thân của ta... Các sắc của ta... Các thanh của ta... Các hương của ta... Các vị của ta... Các xúc của ta... Gia tộc của ta... Đồ chúng của ta... Chỗ ngụ của ta... Lợi lộc của ta... Danh vọng của ta... Lời khen của ta... Hạnh phúc của ta... Y phục của ta... Đồ ăn khát thực của ta... Chỗ nằm ngồi của ta... Vật dụng là thuốc men chữa bệnh của ta... Mẹ của ta... Cha của ta... Anh [em] trai của ta... Chị [em] gái của ta... Con trai của ta... Con gái của ta... Bạn bè của ta... Thân hữu của ta... Thân quyến của ta... Những người cùng huyết thống của ta bị biến đổi” mà không sầu muộn, không mệt mỏi, không than vãn, không đắm ngực khóc lóc, không đi đến sự mê muội.

“Không sầu muộn về quá khứ” là như thế.

Nhìn thấy sự viễn ly ở các xúc.

Xúc: Là nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc, xúc do diễn đạt [xúc thông qua ý môn], xúc do va chạm [xúc thông qua ngũ môn], xúc tạo ra thọ lạc, xúc tạo ra thọ khổ, xúc tạo ra thọ không khổ không lạc, xúc [ở tâm] thiện, xúc [ở tâm] bất thiện, xúc [ở tâm] vô ký, xúc thuộc dục giới, xúc thuộc sắc giới, xúc thuộc vô sắc giới, xúc [do quán xét] không tánh, xúc [do quán xét] vô tướng, xúc [do quán xét] vô nguyện, xúc hiệp thể, xúc xuất thể, xúc quá khứ, xúc vị lai, xúc hiện tại, xúc nào có hình thức như vậy là sự chạm vào, biểu hiện chạm vào, trạng thái chạm vào; điều này được gọi là xúc.

Nhìn thấy sự viễn ly ở các xúc: Nhìn thấy nhãn xúc được tách biệt với tự ngã, hoặc với vật thuộc về tự ngã, hoặc với nghĩa thường còn, hoặc với nghĩa bền vững, hoặc với nghĩa trường tồn, hoặc với tình trạng không bị biến đổi; nhìn thấy nhĩ xúc được tách biệt... nhìn thấy tỷ xúc được tách biệt... nhìn thấy thiệt xúc được tách biệt... nhìn thấy thân xúc được tách biệt... nhìn thấy ý xúc được tách biệt... nhìn thấy xúc do diễn đạt [xúc thông qua ý môn] được tách biệt... nhìn thấy xúc do va chạm [xúc thông qua ngũ môn] được tách biệt... nhìn thấy xúc tạo ra thọ lạc... xúc tạo ra thọ khổ... xúc tạo ra thọ không khổ không lạc... xúc [ở tâm] thiện... xúc [ở tâm] bất thiện... xúc [ở tâm] vô ký... xúc thuộc dục giới... xúc thuộc sắc giới... xúc thuộc vô sắc giới... xúc hiệp thể được tách biệt với tự ngã, hoặc với vật thuộc về tự ngã, hoặc với nghĩa thường còn, hoặc với nghĩa bền vững, hoặc với nghĩa trường tồn, hoặc với tình trạng không bị biến đổi. Hoặc là nhìn thấy xúc quá khứ được tách biệt với các xúc vị

lai và hiện tại, nhìn thấy xúc vị lai được tách biệt với các xúc quá khứ và hiện tại, nhìn thấy xúc hiện tại được tách biệt với các xúc quá khứ và vị lai. Hoặc là những xúc nào thuộc bậc Thánh, không có lậu hoặc, thuộc siêu thế, liên hệ với không tánh, thì nhìn thấy những xúc ấy được tách biệt với duyên ái, với sân hận, với si mê, với giận dữ, với thù hằn, với gièm pha, với ác ý, với ganh tỵ, với bòn xén, với xảo trá, với lừa gạt, với bướng bỉnh, với hung hăng, với ngã mạn, với cao ngạo, với đam mê, với xao lãng, với tất cả ô nhiễm, với tất cả uế hạnh, với mọi sự lo lắng, với mọi sự bức bối, với mọi sự nóng nảy, với tất cả các pháp tạo tác bất thiện.

“Nhìn thấy sự viễn ly ở các xúc” là như thế.

Và không bị dẫn đi bởi các tà kiến: Đối với vị ấy, sáu mươi hai tà kiến là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ. Vị ấy không bị đưa đi, không bị dẫn đi, không bị lôi đi, không bị mang đi bởi tà kiến; cũng không xem tà kiến ấy là có cốt lõi và cũng không quay về lại.

“Và không bị dẫn đi bởi các tà kiến” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Vị không có sự dính mắc ở tương lai, không sầu muộn về quá khứ, nhìn thấy sự viễn ly ở các xúc, và không bị dẫn đi bởi các tà kiến.”

10.5. Vị đã xa rời [các bất thiện pháp], không gạt gắm, không mong cầu, không bòn xén, không xác xược, không đáng nhờm gớm, và không dính dấp đến việc nói đâm thọc.

Vị đã xa rời [các bất thiện pháp], không gạt gắm.

Đã xa rời: Đã xa rời do trạng thái đã được dứt bỏ đối với duyên ái, đã xa rời do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sân hận, đã xa rời do trạng thái đã được dứt bỏ đối với si mê, đã xa rời do trạng thái đã được dứt bỏ đối với giận dữ... đối với thù hằn... đối với gièm pha... đối với ác ý... đối với ganh tỵ... đối với bòn xén... (nt)... đối với tất cả các pháp tạo tác bất thiện. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: “Và này các Tỳ-khuru, thế nào vị Tỳ-khuru đã xa rời? Này các Tỳ-khuru, ngã mạn về bản thân của vị Tỳ-khuru này đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai. Này các Tỳ-khuru, vị Tỳ-khuru đã xa rời là như vậy.” “Vị đã xa rời” là như thế.

Không gạt gắm: Ba kiểu cách gạt gắm: Kiểu cách gạt gắm liên quan đến việc sử dụng [bốn món] vật dụng, kiểu cách gạt gắm liên quan đến các oai nghi, kiểu cách gạt gắm liên quan đến việc nói gần nói xa.

Kiểu cách gạt gắm liên quan đến việc sử dụng [bốn món] vật dụng là kiểu cách nào? Ở đây, các gia chủ thỉnh mời vị Tỳ-khuru về y phục, đồ ăn khát thực, chỗ nằm ngồi, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Vị ấy có ước muốn xấu xa,

bị thúc đẩy bởi ước muốn, có sự tâm cầu, do sự mong muốn được nhiều hơn về y phục, đồ ăn khát thực, chỗ nằm ngồi, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh; rồi từ chối y phục, từ chối đồ ăn khát thực, từ chối chỗ nằm ngồi, từ chối vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Vị ấy đã nói như sau: “Lợi ích gì cho vị Sa-môn với y phục đắt giá? Điều đúng đắn là vị Sa-môn nên nhặt các mảnh vải từ bãi tha ma, hoặc từ đồng rác, hoặc từ vải bỏ của tiệm vải, rồi làm y hai lớp và mặc vào. Lợi ích gì cho vị Sa-môn với đồ ăn khát thực đắt giá? Điều đúng đắn là vị Sa-môn nên duy trì mạng sống bằng vắt thức ăn do việc đi khát thực. Lợi ích gì cho vị Sa-môn với chỗ nằm ngồi đắt giá? Điều đúng đắn là vị Sa-môn nên ngụ ở gốc cây, hoặc là ngụ ở mộ địa, hoặc là ngụ ở ngoài trời. Lợi ích gì cho vị Sa-môn với vật dụng là thuốc men chữa bệnh đắt giá? Điều đúng đắn là vị Sa-môn nên chế tạo thuốc men với nước tiểu bò hoặc với mẫu cây harītakī.” Từ đó trở đi, vị ấy mặc y thô tẻ, ăn đồ ăn khát thực thô tẻ, sử dụng chỗ nằm ngồi thô tẻ, sử dụng vật dụng là thuốc men chữa bệnh thô tẻ. Các gia chủ biết về vị ấy như vậy: “Vị Sa-môn này ít ham muốn, tự biết đủ, sống tách biệt, không giao du, có sự ra sức tinh tấn, thuyết về hạnh từ khước”; rồi thỉnh mời [vị ấy] về y phục, đồ ăn khát thực, chỗ nằm ngồi, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh nhiều hơn nữa. Vị ấy đã nói như sau: “Do sự hiện diện của ba pháp, người thiện tín tạo ra nhiều phước báu; do sự hiện diện của đức tin, người thiện tín tạo ra nhiều phước báu; do sự hiện diện của vật thí, người thiện tín tạo ra nhiều phước báu; do sự hiện diện của các bậc xứng đáng được cúng dường, người thiện tín tạo ra nhiều phước báu. Và các người là có đức tin, có vật thí, còn tôi là người thọ nhận. Nếu tôi không thọ nhận, như vậy các người sẽ mất phần phước báu. Không có lợi ích gì cho tôi với việc này, nhưng vì lòng thương tưởng đến các người mà tôi thọ nhận.” Từ đó trở đi, vị ấy thọ nhận nhiều y phục, thọ nhận nhiều đồ ăn khát thực, thọ nhận nhiều chỗ nằm ngồi, thọ nhận nhiều vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Những sự nhủu mày có hình thức như vậy là trạng thái nhủu mày, sự gạt gẫm, thái độ gạt gẫm, trạng thái gạt gẫm; đây là kiểu cách gạt gẫm liên quan đến việc sử dụng [bốn món] vật dụng.

Kiểu cách gạt gẫm liên quan đến các oai nghi là kiểu cách nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó có ước muốn xấu xa, bị thúc đẩy bởi ước muốn, mong muốn sự tôn kính [nghĩ rằng]: “Như vậy mọi người sẽ tôn kính ta”, rồi tạo dáng đi, tạo dáng đứng, tạo dáng ngồi, tạo dáng nằm, lập nguyện rồi mới đi, lập nguyện rồi mới đứng, lập nguyện rồi mới ngồi, lập nguyện rồi mới nằm, đi như là đã đắc định, đứng như là đã đắc định, ngồi như là đã đắc định, nằm như là đã đắc định, là người tham thiền giữa công chúng. Những việc tạo dáng ra vẻ nghiêm trang của các oai nghi có hình thức như vậy là biểu hiện tạo dáng, việc tạo dáng, sự nhủu mày, trạng thái nhủu mày, sự gạt gẫm, thái độ gạt gẫm, trạng thái gạt gẫm; đây là kiểu cách gạt gẫm liên quan đến các oai nghi.

Kiểu cách gạt gẫm liên quan đến việc nói gần nói xa là kiểu cách nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó có ước muốn xấu xa, bị thúc đẩy bởi ước muốn, mong muốn sự tôn kính [nghĩ rằng]: “Như vậy mọi người sẽ tôn kính ta”, rồi

nói lời liên quan đến Thánh pháp. Nói rằng: “Vị nào mặc y như vậy, vị ấy là Sa-môn có uy lực lớn.” Nói rằng: “Vị nào mang bình bát như vậy, mang bát nhỏ bằng đồng, mang bình nước, mang đồ lọc nước, mang chìa khóa, mang dép, mang dây thắt lưng, mang dây buộc, vị ấy là Sa-môn có uy lực lớn.” Nói rằng: “Vị nào có thầy tể độ như vậy, vị ấy là Sa-môn có uy lực lớn.” Nói rằng: “Vị nào có thầy dạy học như vậy, có các vị đồng thầy tể độ, có các vị đồng thầy dạy học, có các bạn bè, có các vị đồng quan điểm, có các vị thân thiết, có các vị thân hữu như vậy, vị ấy là Sa-môn có uy lực lớn.” Nói rằng: “Vị nào ngụ ở trú xá như vậy, vị ấy là Sa-môn có uy lực lớn.” Nói rằng: “Vị nào ngụ ở nhà một mái, ngụ ở tòa lâu đài, ngụ ở tòa nhà dài, ngụ ở hang động, ngụ ở thạch thất, ngụ ở cốc liêu, ngụ ở nhà mái nhọn, ngụ ở chòi canh, ngụ ở ngôi nhà tròn, ngụ ở căn lều, ngụ ở hội trường, ngụ ở mái che, ngụ ở gốc cây như vậy, vị ấy là Sa-môn có uy lực lớn.”

Hoặc là vị giả nhân giả nghĩa, vị nhú mặt nhăn mày, vị gạt gắm lừa dối, vị tỉ tê nài nỉ, thể hiện ở khuôn mặt [để người khác hiểu lầm rằng]: “Vị Sa-môn này đã đạt được các sự thể nhập an tịnh có hình thức như thế này”, rồi thuyết bài giảng thâm sâu, bí hiểm, vi tế, ẩn tàng, vô thượng ở thế gian, gắn liền với không tánh có tính chất như thế ấy. Những sự nhú mày có hình thức như vậy là trạng thái nhú mày, sự gạt gắm, thái độ gạt gắm, trạng thái gạt gắm; đây là kiểu cách gạt gắm liên quan đến việc nói gần nói xa.

Đối với vị nào, ba kiểu cách gạt gắm này là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ấy được gọi là không gạt gắm

“Vị đã xa rời [các bất thiện pháp], không gạt gắm” là như thế.

Không mong cầu, không bồn xển.

Mong cầu: Nói đến tham ái, nghĩa là luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với vị nào, sự mong cầu, tham ái này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ấy được gọi là không mong cầu. Vị ấy không mong cầu các sắc, không mong cầu các thanh, các hương, các vị, các xúc, các pháp, gia tộc, đồ chúng, chỗ ngụ, lợi lộc, danh vọng, lời khen, hạnh phúc, y phục, đồ ăn khát thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, dục giới, sắc giới, vô sắc giới, cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc, cõi hữu tưởng, cõi vô tưởng, cõi phi tưởng phi phi tưởng, cõi một uẩn, cõi bốn uẩn, cõi năm uẩn, quá khứ, vị lai, hiện tại, các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, không ước muốn, không ưng thuận, không ước nguyện, không nguyện cầu. “Không mong cầu” là như thế.

Không bồn xển: Có năm loại bồn xển: Bồn xển về chỗ ở, bồn xển về gia tộc, bồn xển về danh tiếng, bồn xển về lợi lộc, bồn xển về pháp; bồn xển nào có hình thức như vậy là biểu hiện của bồn xển, trạng thái của bồn xển, sự hám lợi, keo kiệt, tính chất bủn xỉn, trạng thái bị nắm giữ của tâm, điều này được gọi là

bồn xén. Còn nữa, bồn xén về uẩn cũng là bồn xén, bồn xén về giới cũng là bồn xén, bồn xén về xứ cũng là bồn xén, sự nắm lấy, điều này được gọi là bồn xén. Đối với vị nào, sự bồn xén này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ấy được gọi là không bồn xén.

“Không mong cầu, không bồn xén” là như thế.

Không xác xược, không đáng nhòem góm.

Xác xược: Có ba sự xác xược: Xác xược bằng thân, xác xược bằng khẩu, xác xược bằng ý.

Xác xược bằng thân là việc nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến hội chúng, thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến tập thể, thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến nhà ăn, thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến nhà tắm hơi, thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến bến nước, thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi vào xóm nhà, thể hiện sự xác xược bằng thân khi đã đi vào xóm nhà.

Thế nào là thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến hội chúng? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến hội chúng: [Vị ấy] đụng chạm các vị Tỳ-khuru trưởng lão khi đứng, đụng chạm khi ngồi, đứng ở phía trước, ngồi ở phía trước, ngồi chỗ cao hơn, ngồi trùm đầu, đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến hội chúng.

Thế nào là thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến tập thể? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến tập thể: [Vị ấy] đi kinh hành có mang dép trong khi các vị Tỳ-khuru trưởng lão đi kinh hành không mang dép, đi kinh hành ở đường kinh hành cao hơn trong khi các ngài đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, đi kinh hành ở đường kinh hành trong khi các ngài đi kinh hành ở nền đất, đụng chạm khi đứng, đụng chạm khi ngồi, đứng ở phía trước, ngồi ở phía trước, ngồi chỗ cao hơn, ngồi trùm đầu, đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến tập thể.

Thế nào là thể hiện sự xác xược bằng thân ở nhà ăn? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó thể hiện thái độ vô lễ ở nhà ăn: [Vị ấy] chen vào [chỗ] các Tỳ-khuru trưởng lão rồi ngồi xuống, xua đuôi các Tỳ-khuru mới tu khỏi chỗ ngồi, đụng chạm khi đứng, đụng chạm khi ngồi, đứng ở phía trước, ngồi ở phía trước, ngồi chỗ cao hơn, ngồi trùm đầu, đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xác xược bằng thân ở nhà ăn.

Thế nào là thể hiện sự xác xược bằng thân ở nhà tắm hơi? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó thể hiện thái độ vô lễ ở nhà tắm hơi: [Vị ấy] đụng chạm các vị Tỳ-khuru trưởng lão khi đứng, đụng chạm khi ngồi, đứng ở phía trước, ngồi ở phía trước, ngồi chỗ cao hơn, thêm củi lửa vào không hỏi [xin phép], đóng cửa nhà tắm hơi không hỏi [xin phép], vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xác xược bằng thân ở nhà tắm hơi.

Thế nào là thể hiện sự xác xược bằng thân ở bên nước? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó thể hiện thái độ vô lễ ở bên nước: [Vị ấy] đụng chạm các vị Tỳ-khuru trưởng lão khi đi xuống, đi xuống ở phía trước, đụng chạm khi tắm, tắm ở phía trước, tắm ở phía trên, đụng chạm khi đi lên, đi lên ở phía trước, đi lên ở phía trên. Như vậy là thể hiện sự xác xược bằng thân ở bên nước.

Thế nào là thể hiện sự xác xược bằng thân trong khi đi vào xóm nhà? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó thể hiện thái độ vô lễ trong khi đi vào xóm nhà: [Vị ấy] đụng chạm các vị Tỳ-khuru trưởng lão khi đi, đi ở phía trước, vượt qua các vị Tỳ-khuru trưởng lão rồi đi ở phía trước. Như vậy là thể hiện sự xác xược bằng thân trong khi đi vào xóm nhà.

Thế nào là thể hiện sự xác xược bằng thân khi đã đi vào xóm nhà? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó khi đã đi vào xóm nhà, trong khi được nói rằng: “Thưa ngài, xin chớ đi vào” vẫn đi vào; trong khi được nói rằng: “Thưa ngài, xin chớ đứng” vẫn đứng; trong khi được nói rằng: “Thưa ngài, xin chớ ngồi” vẫn ngồi; đi vào nơi không thích hợp, đứng ở nơi không thích hợp, ngồi ở nơi không thích hợp, những nội phòng bí mật và kín đáo của gia đình, là nơi có các phụ nữ, các cô con gái, các cô con dâu, các cô thiếu nữ của gia đình đang ngồi, [vị ấy] đi vào nơi ấy một cách vội vã và xoa đầu bé trai. Như vậy là thể hiện sự xác xược bằng thân khi đã đi vào xóm nhà. Đây là sự xác xược bằng thân.

Xác xược bằng khẩu là việc nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó thể hiện sự xác xược bằng khẩu khi đi đến hội chúng, thể hiện sự xác xược bằng khẩu khi đi đến tập thể, thể hiện sự xác xược bằng khẩu khi đã đi vào xóm nhà.

Thế nào là thể hiện sự xác xược bằng khẩu khi đi đến hội chúng? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến hội chúng: Khi chưa xin phép các Tỳ-khuru trưởng lão hoặc chưa được yêu cầu mà [vị ấy] nói pháp, trả lời câu hỏi, tụng đọc Giới bản (*Pātimokkha*), đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xác xược bằng khẩu khi đi đến hội chúng.

Thế nào là thể hiện sự xác xược bằng khẩu khi đi đến tập thể? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến tập thể: Khi chưa xin phép các Tỳ-khuru trưởng lão hoặc chưa được yêu cầu mà [vị ấy] nói pháp cho các vị Tỳ-khuru đi đến tu viện, trả lời câu hỏi, đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói, nói pháp cho các vị Tỳ-khuru-ni, các nam cư sĩ, các nữ cư sĩ đi đến tu viện, trả lời câu hỏi, đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xác xược bằng khẩu khi đi đến tập thể.

Thế nào là thể hiện sự xác xược bằng khẩu khi đã đi vào xóm nhà? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó khi đã đi vào xóm nhà, đã nói với người phụ nữ hoặc cô thiếu nữ như vậy: “Này cô tên thế này, này cô họ thế này, có vật gì không? Có cháo không, có thức ăn không, có đồ uống không? Chúng tôi sẽ uống gì, chúng tôi sẽ ăn gì, chúng tôi sẽ nhai gì?” Hoặc là nói lái nhái: “Có vật gì không?”, hoặc: “Cô sẽ bỏ thí cái gì?” Như vậy là thể hiện sự xác xược bằng khẩu khi đã đi vào xóm nhà. Đây là sự xác xược bằng khẩu.

Thế nào là thể hiện sự xác xược bằng ý? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó trong khi được xuất gia không phải từ gia tộc thượng lưu mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vị xuất gia từ gia tộc thượng lưu, trong khi được xuất gia không phải từ gia tộc lớn mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vị xuất gia từ gia tộc lớn, trong khi được xuất gia không phải từ gia tộc có nhiều của cải mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vị xuất gia từ gia tộc có nhiều của cải,... trong khi được xuất gia không phải từ gia tộc có của cải quý giá... trong khi không phải là vị chuyên về Kinh mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vị chuyên về Kinh, trong khi không phải là vị trì Luật... trong khi không phải là vị thuyết giảng pháp... trong khi không phải là vị ngụ ở rừng... trong khi không phải là vị chuyên đi khát thực... trong khi không phải là vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ... trong khi không phải là vị chỉ sử dụng ba y... trong khi không phải là vị đi khát thực tuân tữ theo từng nhà... trong khi không phải là vị không ăn vật thực dâng sau... trong khi không phải là vị chuyên về oai nghi ngồi (không nằm)... trong khi không phải là vị ngụ ở chỗ đã được chỉ định... trong khi không phải là vị có đạt sơ thiên mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vị có đạt sơ thiên... (nt)... trong khi không phải là vị có đạt Phi tướng phi phi tướng xứ mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vị có đạt Phi tướng phi phi tướng xứ. Đây là sự xác xược bằng ý.

Đối với vị nào, ba sự xác xược này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ấy được gọi là không xác xược. “Không xác xược” là như thế.

Không đáng nhờm góm: Có người đáng nhờm góm, có người không đáng nhờm góm. Và người nào là người đáng nhờm góm? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó có giới tồi, có ác pháp, có sở hành bất tịnh và đáng nghi ngờ, có hành động che giấu, không phải là Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn, không có Phạm hạnh mà tự xưng là có Phạm hạnh, nội tâm thô nát, nhiễm dục vọng, có bản chất dơ bẩn; người này được gọi là người đáng nhờm góm. Hoặc là, người có sự giận dữ, có nhiều lo âu, trong khi bị nói đến chút ít thì nổi giận, bực tức, tức giận, phản kháng, bày tỏ sự bực tức, sự sân hận và sự không bằng lòng; người này được gọi là người đáng nhờm góm. Hoặc là, người có sự giận dữ, có sự thù hận, gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bòn xén, lừa gạt, xảo trá, ương ngạnh, cao ngạo, có ham muốn xấu xa, có tà kiến, bám víu vào quan điểm của mình, nắm giữ điều đã chấp nhận, khó buông bỏ; người này được gọi là người đáng nhờm góm.

Và người không đáng nhờm góm là người nào? Ở đây, vị Tỳ-khuru là vị có giới, sống thu thúc với sự thu thúc của Giới bốn (*Pātimokkha*), thành tựu về hạnh kiểm và hành xứ, thấy sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhất, thọ trì và thực hành trong các điều học; người này được gọi là người không đáng nhờm góm. Hoặc là, người không có sự giận dữ, không có nhiều lo âu, trong khi bị nói đến nhiều vẫn không nổi giận, không bực tức, không tức giận, không phản kháng, không

bày tỏ sự bức tức, sự sân hận và sự không bằng lòng; người này được gọi là người không đáng nhờm góm. Hoặc là, người không có sự giận dữ, không có sự thù hận, không gièm pha, không ác ý, không ganh tỵ, không bòn xẻn, không lừa gạt, không xảo trá, không ương ngạnh, không cao ngạo, không có ham muốn xấu xa, không có tà kiến, không bám víu vào quan điểm của mình, không nắm giữ điều đã chấp nhận, dễ buông bỏ; người này được gọi là người không đáng nhờm góm. Tất cả phạm phu ngu si là người đáng nhờm góm. Tám hạng Thánh nhân tính luôn phạm nhân tốt lành là những người không đáng nhờm góm.

“Không xác xược, không đáng nhờm góm” là như thế.

Và không dính dấp đến việc nói đâm thọc.

Việc nói đâm thọc: Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó có lời nói đâm thọc: Sau khi nghe ở chỗ này, là người nói lại ở chỗ kia nhằm chia rẽ những người này, hoặc là sau khi nghe ở chỗ kia, là người nói lại cho những người này nhằm chia rẽ những người kia; như vậy là người chia rẽ những kẻ đã được hợp nhất, là người khuyến khích những kẻ chia rẽ, là người thỏa thích phe nhóm, thích thú phe nhóm, hân hoan phe nhóm, là người nói lời tạo ra phe nhóm; điều này được gọi là việc nói đâm thọc.

Thêm nữa, người đem lại việc nói đâm thọc vì hai lý do: Vì mong muốn được thương, hoặc là vì ý định chia rẽ. Đem lại việc nói đâm thọc vì mong muốn được thương nghĩa là thế nào? [Nghĩ rằng:] “Ta sẽ được người này yêu mến, ta sẽ được quý mến, ta sẽ được tin cậy, ta sẽ trở thành thân tín, ta sẽ trở thành tâm phúc”; đem lại việc nói đâm thọc vì mong muốn được thương nghĩa là như vậy. Đem lại việc nói đâm thọc vì ý định chia rẽ nghĩa là thế nào? [Nghĩ rằng:] “Làm thế nào để những người này trở thành xa lạ, trở thành riêng rẽ, trở thành phe nhóm, trở thành hai phần, trở thành hai phía, trở thành hai nhánh, bị chia rẽ, không thể hội tụ, sống khổ sở không thoải mái?” Đem lại việc nói đâm thọc vì ý định chia rẽ nghĩa là như vậy. Đối với người nào, việc nói đâm thọc này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, người ấy không dính dấp, không gắn bó, không gắn vào, không gắn liền với việc nói đâm thọc.

“Và không dính dấp đến việc nói đâm thọc” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Vị đã xa rời [các bất thiện pháp], không gặt gẫm, không mong cầu, không bòn xẻn, không xác xược, không đáng nhờm góm, và không dính dấp đến việc nói đâm thọc.”

10.6. Vị không có sự buông xuôi theo các khoái lạc, không dính dấp đến vi cao ngạo, nhuần nhuyễn và có tài biện giải, không cả tin, không lìa luyến ái.

Vị không có sự buông xuôi theo các khoái lạc.

Khoái lạc: Là nói đến năm loại dục. Vì lý do gì khoái lạc là nói đến năm loại dục? Phần đông chư thiên và nhân loại ước muốn, ưng thuận, ước nguyện, mong cầu, nguyện cầu năm loại dục, vì lý do ấy khoái lạc là nói đến năm loại dục. Đối với những người nào, khoái lạc tham ái này chưa được dứt bỏ, đối với những người ấy tham ái ở sắc từ con mắt chảy tràn, chảy xuống, tuôn chảy, chảy liên tục, tham ái ở thanh từ lỗ tai... tham ái ở hương từ lỗ mũi... tham ái ở vị từ lưỡi... tham ái ở xúc từ thân... tham ái ở pháp từ ý chảy tràn, chảy xuống, tuôn chảy, chảy liên tục. Đối với những vị nào, khoái lạc tham ái này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, đối với những vị ấy tham ái ở sắc từ con mắt không chảy tràn, không chảy xuống, không tuôn chảy, không chảy liên tục, tham ái ở thanh từ lỗ tai... (nt)... tham ái ở pháp từ ý không chảy tràn, không chảy xuống, không tuôn chảy, không chảy liên tục.

“Vị không có sự buông xuôi theo các khoái lạc” là như thế.

Không dính dấp đến việc cao ngạo: Cao ngạo là việc nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó khinh khi người khác theo sự sanh ra, hoặc theo dòng họ,... (nt)... hoặc theo sự việc này khác. Ngã mạn nào có hình thức như vậy là biểu hiện của ngã mạn, trạng thái của ngã mạn, sự kiêu hãnh, sự hãnh diện, sự giương lên [như ngọn cờ], sự tự nâng lên, sự mong muốn nổi bật của tâm, việc này được gọi là cao ngạo. Đối với vị nào, cao ngạo này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ấy là không dính dấp, không gắn bó, không gắn vào, không gắn liền với việc cao ngạo.

“Không dính dấp đến việc cao ngạo” là như thế.

Nhuần nhuyễn và có tài biện giải.

Nhuần nhuyễn: “Có thân nghiệp nhuần nhuyễn” là nhuần nhuyễn, “có khẩu nghiệp nhuần nhuyễn” là nhuần nhuyễn, “có ý nghiệp nhuần nhuyễn” là nhuần nhuyễn, “có các sự thiết lập niệm nhuần nhuyễn” là nhuần nhuyễn, “có các chánh cần nhuần nhuyễn”... “có các nền tảng của thân thông nhuần nhuyễn”... “có các quyền nhuần nhuyễn”... “có các lực nhuần nhuyễn”... “có các yếu tố đưa đến giác ngộ nhuần nhuyễn” là nhuần nhuyễn; “có đạo lộ Thánh thiện tám chi phần nhuần nhuyễn” là nhuần nhuyễn.

Có tài biện giải: Có ba hạng người có tài biện giải: Có tài biện giải do pháp học, có tài biện giải do vấn hỏi, có tài biện giải do chứng đắc.

Có tài biện giải do pháp học là thế nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó được học tinh thông một cách tự nhiên về *Sutta*, *Geyya*, *Veyyākaraṇa*, *Gāthā*, *Udāna*, *Itivuttaka*, *Jātaka*, *Abbhutadhamma*, *Vedalla*;³ nhờ vào pháp học, vấn đề được sáng tỏ đối với vị ấy. Đây là hạng người có tài biện giải do pháp học.

³ Xem chú thích về “Chín thể loại giáo pháp” ở trang 122. (ND)

Có tài biện giải do vấn hỏi là thế nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó là người vấn hỏi về mục đích của bản thân, về ý nghĩa của cách thức, về tướng trạng, về nguyên nhân và về tính chất hợp lý hay không hợp lý; nhờ vào việc vấn hỏi, điều ấy được sáng tỏ đối với vị ấy. Đây là hạng người có tài biện giải do vấn hỏi.

Có tài biện giải do chứng đắc là thế nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó đạt đến bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, bốn Thánh đạo, bốn quả vị Sa-môn, bốn tuệ phân tích, sáu thẳng trí; đối với vị ấy, ý nghĩa đã được biết, pháp đã được biết, ngôn từ đã được biết. Khi ý nghĩa đã được biết thì ý nghĩa được sáng tỏ, khi pháp đã được biết thì pháp được sáng tỏ, khi ngôn từ đã được biết thì ngôn từ được sáng tỏ, trí ở ba sự nhận biết này là tuệ phân tích về phép biện giải. Vị đã tiến đến, đã tiến gần, đã đến gần, đã tiến vào, đã đạt đến, đã tròn đủ, đã thành tựu tuệ phân tích về phép biện giải này, vị ấy được gọi là người có tài biện giải.

Đối với người nào, pháp học không có, vấn hỏi không có, chứng đắc không có, đối với người ấy, cái gì sẽ được sáng tỏ?

“Nhuần nhuyễn và có tài biện giải” là như thế.

Không cả tin, không lìa luyện ái.

Không cả tin: Khi pháp đã được chính bản thân biết rõ, đã được tự thân quán xét thì không cần đặt niềm tin vào bất cứ ai, vào vị Sa-môn khác, hoặc Bà-la-môn, hoặc Thiên nhân, hoặc Ma vương, hoặc Phạm thiên. Khi “tất cả các hành là vô thường” đã được chính bản thân biết rõ... (nt)... Khi “tất cả các hành là khổ”... (nt)... Khi “tất cả các pháp là vô ngã”... (nt)... Khi “vô minh duyên cho các hành”... (nt)... Khi “sanh duyên cho lão, tử”... (nt)... Khi “do sự diệt tận của vô minh [đưa đến] sự diệt tận của các hành”... (nt)... Khi “do sự diệt tận của sanh [đưa đến] sự diệt tận của lão, tử”... (nt)... Khi “đây là khổ”... (nt)... Khi “đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ”... (nt)... Khi “đây là các lậu hoặc”... (nt)... Khi “đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận các lậu hoặc”... (nt)... Khi “các pháp này cần được biết rõ”... (nt)... Khi “các pháp này cần được chứng ngộ” đã được chính bản thân biết rõ... (nt)... Khi nhân sanh khởi, sự tiêu hoại, sự hứng thú, sự bất lợi và sự thoát ra đối với sáu xúc xứ... (nt)... Khi nhân sanh khởi... đối với năm thủ uẩn... (nt)... Khi nhân sanh khởi, sự tiêu hoại, sự hứng thú, sự bất lợi và sự thoát ra đối với bốn yếu tố chính [đất, nước, lửa, gió] đã được chính bản thân biết rõ... (nt)... Khi “điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt” đã được chính bản thân biết rõ, đã được tự thân quán xét, thì không cần đặt niềm tin vào bất cứ ai, vào vị Sa-môn khác, hoặc Bà-la-môn, hoặc Thiên nhân, hoặc Ma vương, hoặc Phạm thiên.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

“Này Sāriputta, người có tin rằng: ‘Tín quyền được tu tập, được thực hành thường xuyên thì có được sự thể nhập vào bất tử, có bất tử là đích đến, có bất tử là điểm cuối cùng? Tấn quyền... Niệm quyền... Định quyền... Tuệ quyền được tu tập, được thực hành thường xuyên thì có được sự thể nhập vào bất tử, có bất tử là đích đến, có bất tử là điểm cuối cùng?’” “Bạch Ngài, về điều này quả thật không phải do niềm tin đối với đức Thế Tôn mà con đi đến [ý niệm] rằng: ‘Tín quyền... Tấn quyền... Niệm quyền... Định quyền... Tuệ quyền được tu tập, được thực hành thường xuyên thì có được sự thể nhập vào bất tử, có bất tử là đích đến, có bất tử là điểm cuối cùng.’ Bạch Ngài, nhưng đối với những người nào điều này là không được biết, không được thấy, không được hiểu, không được chứng ngộ, không được chạm đến bằng tuệ, những người ấy do niềm tin đối với những người khác mà đi đến điều ấy [ý niệm] rằng: ‘Tín quyền... Tấn quyền... Niệm quyền... Định quyền... Tuệ quyền được tu tập, được thực hành thường xuyên thì có được sự thể nhập vào bất tử, có bất tử là đích đến, có bất tử là điểm cuối cùng.’ Bạch Ngài, còn đối với những người nào điều này là được biết, được thấy, được hiểu, được chứng ngộ, được chạm đến bằng tuệ, không có nghi ngờ, những người ấy không có hoài nghi về điều ấy rằng: ‘Tín quyền được tu tập, được thực hành thường xuyên thì có được sự thể nhập vào bất tử, có bất tử là đích đến, có bất tử là điểm cuối cùng. Tấn quyền... Niệm quyền... Định quyền... Tuệ quyền được tu tập, được thực hành thường xuyên thì có được sự thể nhập vào bất tử, có bất tử là đích đến, có bất tử là điểm cuối cùng.’ Bạch Ngài, đối với con, quả thật điều này là được biết, được thấy, được hiểu, được chứng ngộ, được chạm đến bằng tuệ. Con không có nghi ngờ, không có hoài nghi về điều ấy rằng: ‘Tín quyền... Tấn quyền... Niệm quyền... Định quyền... Tuệ quyền được tu tập, được thực hành thường xuyên thì có được sự thể nhập vào bất tử, có bất tử là đích đến, có bất tử là điểm cuối cùng.’”

“Người nào, không phải do niềm tin, biết sự không tạo tác [Niết-bàn], cắt đứt sự tiếp nối [tái sanh], đã tiêu diệt duyên có, đã buông bỏ niềm ước muốn, chính vị ấy là con người tối thượng.”

Không lìa luyến ái: Tất cả phàm phu ngu si đều luyến ái. Bảy hạng Hữu học tính luôn phàm nhân tốt lành lìa luyến ái. Bạc A-la-hán chẳng những không luyến ái mà cũng không lìa luyến ái. Vị ấy đã được xa lìa luyến ái do sự cạn kiệt của luyến ái, do trạng thái đã xa lìa luyến ái, do sự cạn kiệt của sân hận, do trạng thái đã xa lìa sân hận, do sự cạn kiệt của si mê, do trạng thái đã xa lìa si mê. Vị ấy đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành,... (nt)... việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy.

“Không cả tin, không lìa luyện ái” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Vị không có sự buông xuôi theo các khoái lạc, không dính dấp đến việc cao ngạo, nhuần nhuyễn, và có tài biện giải, không cả tin, không lìa luyện ái.”

10.7. Vị học tập không vì ham muốn lợi lộc và không bức tức khi không được lợi lộc, không chống đối, và không thêm muốn các vị nể do tham ái.

Vị học tập không vì ham muốn lợi lộc và không bức tức khi không được lợi lộc: Thế nào là vị học tập vì ham muốn lợi lộc? “Ồ đây, vị Tỳ-khuru nhìn thấy vị Tỳ-khuru [khác] có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh.” Vị ấy khởi ý như vậy: “Vì điều gì mà vị Đại đức này có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh?” Vị ấy khởi ý như vậy: “Vị Đại đức này là vị chuyên về Kinh; vì thế, vị Đại đức này có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh.” Vị ấy, do nhân lợi lộc, do duyên lợi lộc, vì lý do lợi lộc, vì sự phát sinh lợi lộc, trong khi làm cho thành tựu lợi lộc, vị ấy học kỹ lưỡng về Kinh. Như vậy là vị học tập vì ham muốn lợi lộc.

Hoặc là, vị Tỳ-khuru nhìn thấy vị Tỳ-khuru [khác] có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Vị ấy khởi ý như vậy: “Vì điều gì mà vị Đại đức này có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh?” Vị ấy khởi ý như vậy: “Vị Đại đức này là vị trì Luật... (nt)... là vị thuyết Pháp; vì thế, vị Đại đức này có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh.” Vị ấy, do nhân lợi lộc, do duyên lợi lộc, vì lý do lợi lộc, vì sự phát sinh lợi lộc, trong khi làm cho thành tựu lợi lộc, vị ấy học kỹ lưỡng về Thắng pháp. Như vậy cũng là vị học tập vì ham muốn lợi lộc.

Hoặc là, vị Tỳ-khuru nhìn thấy vị Tỳ-khuru [khác] có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Vị ấy khởi ý như vậy: “Vì điều gì mà vị Đại đức này có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh?” Vị ấy khởi ý như vậy: “Vị Đại đức này là vị ngụ ở rừng... là vị chuyên đi khát thực... là vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ... là vị chỉ sử dụng ba y... là vị đi khát thực tuần tự theo từng nhà... là vị không ăn vật thực dâng sau... là vị chuyên về oai nghi ngồi (không nằm)... là vị ngụ ở chỗ đã được chỉ định; vì thế, vị Đại đức này có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh.” Vị ấy, do nhân lợi lộc, do duyên lợi lộc, vì lý do lợi lộc, vì sự phát sinh lợi lộc, trong khi làm cho thành tựu lợi lộc, vị ấy là vị hành pháp chuyên đi khát thực... (nt)... là vị hành pháp ngụ ở chỗ đã được chỉ định. Như vậy cũng là vị học tập vì ham muốn lợi lộc.

Thế nào là vị học tập không vì ham muốn lợi lộc? Ở đây, vị Tỳ-khuru không do nhân lợi lộc, không do duyên lợi lộc, không vì lý do lợi lộc, không vì sự

phát sinh lợi lộc, trong khi không làm cho thành tựu lợi lộc, vì ấy học kỹ lưỡng về Kinh, học kỹ lưỡng về Luật, học kỹ lưỡng về Thắng pháp chỉ để nhắm đến mục đích huấn luyện bản thân, đến mục đích yên lặng bản thân, đến mục đích diệt tất hoàn toàn [ô nhiễm] của bản thân. Như vậy là vị học tập không vì ham muốn lợi lộc.

Hoặc là, vị Tỳ-khưu không do nhân lợi lộc, không do duyên lợi lộc, không vì lý do lợi lộc, không vì sự phát sinh lợi lộc, trong khi không làm cho thành tựu lợi lộc, vì ấy là vị ngụ ở rừng, là vị chuyên đi khát thực, là vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ, là vị chỉ sử dụng ba y, là vị đi khát thực tuân tữ theo từng nhà, là vị không ăn vật thực dâng sau, là vị chuyên về oai nghi ngồi (không nằm), là vị ngụ ở chỗ đã được chỉ định, chỉ để nương vào sự ít ham muốn, để nương vào sự tự biết đủ, để nương vào sự đoạn giảm [ô nhiễm], để nương vào sự viên ly, để nương vào sự hiện diện của các thiện pháp. Như vậy cũng là vị học tập không vì ham muốn lợi lộc. “Vị học tập không vì ham muốn lợi lộc” là như thế.

Và không bức tức khi không được lợi lộc. Thế nào là bức tức khi không được lợi lộc? Ở đây, một vị [Tỳ-khưu] nào đó [nghĩ rằng]: “Tôi không đạt được gia đình, tôi không đạt được đồ chúng, tôi không đạt được chỗ ngụ, tôi không đạt được lợi lộc, tôi không đạt được danh vọng, tôi không đạt được sự khen ngợi, tôi không đạt được hạnh phúc, tôi không đạt được y phục, tôi không đạt được vật thực, tôi không đạt được chỗ ở, tôi không đạt được vật dụng là thuốc men chữa bệnh, hoặc tôi không đạt được người chăm sóc bệnh, tôi không được biết đến”, rồi bức tức, tức giận, phản kháng, bày tỏ sự bức tức, sự sân hận, sự không bằng lòng. Như vậy là bức tức khi không được lợi lộc.

Thế nào là không bức tức khi không được lợi lộc? Ở đây, có vị Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: “Tôi không đạt được gia đình, tôi không đạt được đồ chúng,... (nt)... tôi không được biết đến”, rồi không bức tức, không tức giận, không phản kháng, không bày tỏ sự bức tức, sự sân hận, sự không bằng lòng. Như vậy là không bức tức khi không được lợi lộc.

“Vị học tập không vì ham muốn lợi lộc và không bức tức khi không được lợi lộc” là như thế.

Không chống đối, và không thêm muốn các vị nếm do tham ái.

Không chống đối: Sự tức tối nào của tâm là sự tức giận, sự thù hận, sự đối chọi, sự căm giận, sự căm hờn, sự căm ghét, sự sân hận, sự khởi sân, sự sân nộ, sự độc ác của tâm, sự khởi sân của ý, sự giận dữ, biểu hiện giận dữ, trạng thái giận dữ, sự sân hận, biểu hiện sân hận, trạng thái sân hận, sự độc ác, biểu hiện độc ác, trạng thái độc ác, sự chống đối, sự đối chọi, sự tàn nhẫn, sự lỗ mãng, trạng thái không hoan hỷ của tâm; điều này được gọi là sự chống đối. Đối với người nào, sự chống đối này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; người ấy được gọi là không chống đối.

Tham ái: Tham ái đối với cảnh sắc, tham ái đối với cảnh thanh, tham ái đối với cảnh khí, tham ái đối với cảnh vị, tham ái đối với cảnh xúc, tham ái đối với cảnh pháp.

Vị nếm: Vị của rễ củ, vị của thân cây, vị của vỏ cây, vị của lá cây, vị của hoa, vị của trái, chua, ngọt, đắng, cay, mặn, lạt, gắt, chát, dễ chịu, khó chịu, lạnh, nóng. Có một số Sa-môn và Bà-la-môn thèm khát vị nếm, họ lang thang đó đây tầm cầu các vị nếm tuyệt vời bằng đầu lưỡi. Có được vị chua, họ tầm cầu vị không chua; có được vị không chua, họ tầm cầu vị chua. Có được vị ngọt, họ tầm cầu vị không ngọt; có được vị không ngọt, họ tầm cầu vị ngọt. Có được vị đắng, họ tầm cầu vị không đắng; có được vị không đắng, họ tầm cầu vị đắng. Có được vị cay, họ tầm cầu vị không cay; có được vị không cay, họ tầm cầu vị cay. Có được vị mặn, họ tầm cầu vị không mặn; có được vị không mặn, họ tầm cầu vị mặn. Có được vị lạt, họ tầm cầu vị không lạt; có được vị không lạt, họ tầm cầu vị lạt. Có được vị gắt, họ tầm cầu vị chát; có được vị chát, họ tầm cầu vị gắt. Có được vị dễ chịu, họ tầm cầu vị khó chịu; có được vị khó chịu, họ tầm cầu vị dễ chịu. Có được vị lạnh, họ tầm cầu vị nóng; có được vị nóng, họ tầm cầu vị lạnh. Khi có được vị nếm nào thì họ lại không vừa lòng với vị nếm ấy, và tiếp tục tầm cầu, họ bị luyến ái ở các vị nếm hợp ý, bị thèm khát, bị buộc trói, bị mê mẩn, bị gài gửi, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại. Đối với người nào, tham ái ấy ở vị nếm đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; người ấy suy xét đúng đắn rồi mới thọ dụng vật thực: “Không vì vui đùa, không vì đam mê, không vì việc trang sức, không vì việc điếm tô, mà chỉ để duy trì thân này, để nuôi sống, để ngăn sự hư hoại, để nâng đỡ Phạm hạnh, như thế ta diệt trừ cảm thọ cũ, và sẽ không làm sanh khởi cảm thọ mới. Ta sẽ có được sự tồn tại, sự không làm lỗi, và sự sống được thoải mái.”

Giống như người bơi thuốc ở vết thương chỉ nhắm đến mục đích làm cho lành lặn, hoặc giống như người nhỏ dầu ở trục xe chỉ nhắm đến mục đích chuyên chở khỏi hàng, hoặc giống như người thọ dụng thức ăn là thịt của đứa con trai chỉ nhắm đến mục đích thoát khỏi bãi sa mạc; tương tự y như thế, vị Tỳ-khuru suy xét đúng đắn rồi mới thọ dụng vật thực: “Không vì vui đùa, không vì đam mê, không vì việc trang sức, không vì việc điếm tô, mà chỉ để duy trì thân này, để nuôi sống, để ngăn sự hư hoại, để nâng đỡ Phạm hạnh, như thế ta diệt trừ cảm thọ cũ, và không làm sanh khởi cảm thọ mới. Ta sẽ có được sự tồn tại, sự không làm lỗi, và sự sống được thoải mái”; rồi dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, làm cho không còn hiện hữu tham ái ở vị nếm. Nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với tham ái ở vị nếm, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Không chống đối, và không thèm muốn các vị nếm do tham ái” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Vị học tập không vì ham muốn lợi lộc, và không bực tức khi không được lợi lộc, không chống đối, và không thèm muốn các vị nếm do tham ái.”

10.8. *Vị hành xả, luôn luôn có niệm, ở thế gian không nghĩ [bản thân] là ngang bằng, không [nghĩ] là có sự ưu việt, không [nghĩ] là thấp kém; đối với vị ấy, không có các sự kiêu ngạo.*

Vị hành xả, luôn luôn có niệm.

Vị hành xả: Là vị có pháp hành xả ở sáu tình huống: Sau khi thấy cảnh sắc bằng mắt, không có ý ưa thích, không có ý ghét bỏ, vị hành xả sống có niệm, có sự nhận biết rõ; sau khi nghe âm thanh bằng tai,... (nt)... sau khi ngửi hương bằng mũi,... (nt)... sau khi nếm vị bằng lưỡi,... (nt)... sau khi xúc chạm bằng thân,... (nt)... sau khi nhận thức pháp bằng ý, không có ý ưa thích, không có ý ghét bỏ, vị hành xả sống có niệm, có sự nhận biết rõ.

Sau khi thấy cảnh sắc bằng mắt, đối với sắc hợp ý, [vị ấy] không khao khát, không vui mừng, không làm sanh khởi luyến ái; thân của vị ấy trụ vững, tâm của vị ấy trú ở nội phần, khéo được tồn tại, khéo được giải thoát. Trái lại, sau khi thấy cảnh sắc bằng mắt, đối với sắc không hợp ý, [vị ấy] không khó chịu, không có tâm bực bội, không có ý lui sụt, không có ý tức giận; thân của vị ấy trụ vững, tâm của vị ấy trú ở nội phần, khéo được tồn tại, khéo được giải thoát.

Sau khi nghe âm thanh bằng tai,... (nt)... Sau khi ngửi hương bằng mũi,... (nt)... Sau khi nếm vị bằng lưỡi,... (nt)... Sau khi xúc chạm bằng thân,... (nt)... Sau khi nhận thức pháp bằng ý, [vị ấy] không khao khát, không vui mừng, không làm sanh khởi luyến ái; thân của vị ấy trụ vững, tâm của vị ấy trú ở nội phần, khéo được tồn tại, khéo được giải thoát. Trái lại, sau khi nhận thức pháp bằng ý, đối với pháp không hợp ý, [vị ấy] không khó chịu, không có tâm bực bội, không có ý lui sụt, không có ý tức giận; thân của vị ấy trụ vững, tâm của vị ấy trú ở nội phần, khéo được tồn tại, khéo được giải thoát. Sau khi thấy cảnh sắc bằng mắt, đối với sắc hợp ý hay không hợp ý, thân của vị ấy trụ vững, tâm của vị ấy trú ở nội phần, khéo được tồn tại, khéo được giải thoát. Sau khi nghe âm thanh bằng tai,... (nt)... Sau khi ngửi hương bằng mũi,... (nt)... Sau khi nếm vị bằng lưỡi,... (nt)... Sau khi xúc chạm bằng thân,... (nt)... Sau khi nhận thức pháp bằng ý, đối với pháp hợp ý hay không hợp ý, thân của vị ấy trụ vững, tâm của vị ấy trú ở nội phần, khéo được tồn tại, khéo được giải thoát.

Sau khi thấy cảnh sắc bằng mắt, [vị ấy] không bị luyến ái ở vật đáng luyến ái, không bị sân hận ở vật đáng sân hận, không bị si mê ở vật đáng si mê, không bị bực tức ở vật đáng bực tức, không bị ô nhiễm ở vật đáng ô nhiễm, không bị say đắm ở vật đáng say đắm. Sau khi nghe âm thanh bằng tai,... (nt)... Sau khi nhận thức pháp bằng ý, [vị ấy] không bị luyến ái ở vật đáng luyến ái, không bị sân hận ở vật đáng sân hận, không bị si mê ở vật đáng si mê, không bị bực tức ở vật đáng bực tức, không bị ô nhiễm ở vật đáng ô nhiễm,

không bị say đắm ở vật đáng say đắm. Ở điều đã được nghe chỉ là điều đã được nghe, ở điều đã được thấy chỉ là điều đã được thấy, ở điều đã được cảm giác chỉ là điều đã được cảm giác, ở điều đã được nhận thức chỉ là điều đã được nhận thức, [vị ấy] không bị lamm nhơ ở điều đã được thấy, không bị lamm nhơ ở điều đã được nghe, không bị lamm nhơ ở điều đã được cảm giác, không bị lamm nhơ ở điều đã được nhận thức. Về điều đã được thấy, [vị ấy] không có sự đến gần, không có sự xa lánh, không nương tựa, không bị trói buộc, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. Về điều đã được nghe, về điều đã được cảm giác, về điều đã được nhận thức, [vị ấy] không có sự đến gần, không có sự xa lánh, không nương tựa, không bị trói buộc, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

Mắt của vị A-la-hán hiện hữu, vị A-la-hán nhìn cảnh sắc bằng mắt. Mong muốn và luyến ái của vị A-la-hán không có, vị A-la-hán có tâm khéo được giải thoát. Tai của vị A-la-hán hiện hữu, vị A-la-hán nghe âm thanh bằng tai. Mong muốn và luyến ái của vị A-la-hán không có, vị A-la-hán có tâm khéo được giải thoát. Mũi của vị A-la-hán hiện hữu, vị A-la-hán ngửi hương bằng mũi. Mong muốn và luyến ái của vị A-la-hán không có, vị A-la-hán có tâm khéo được giải thoát. Lưỡi của vị A-la-hán hiện hữu, vị A-la-hán nếm vị bằng lưỡi. Mong muốn và luyến ái của vị A-la-hán không có, vị A-la-hán có tâm khéo được giải thoát. Thân của vị A-la-hán hiện hữu, vị A-la-hán xúc chạm bằng thân... (nt)... Ý của vị A-la-hán hiện hữu, vị A-la-hán nhận thức pháp bằng ý. Mong muốn và luyến ái của vị A-la-hán không có, vị A-la-hán có tâm khéo được giải thoát.

Mắt có sự thỏa thích ở sắc, thích thú ở sắc, vui thích ở sắc; mắt của vị A-la-hán đã được rèn luyện, đã được bảo vệ, đã được hộ trì, đã được thu thúc; và vị ấy thuyết pháp về sự thu thúc đối với mắt. Tai có sự thỏa thích ở âm thanh... (nt)... Mũi có sự thỏa thích ở hương... Lưỡi có sự thỏa thích ở vị nếm, thích thú ở vị nếm, vui thích ở vị nếm; lưỡi của vị A-la-hán đã được rèn luyện, đã được bảo vệ, đã được hộ trì, đã được thu thúc; và vị ấy thuyết pháp về sự thu thúc đối với lưỡi. Thân có sự thỏa thích ở xúc chạm... (nt)... Ý có sự thỏa thích ở pháp, thích thú ở pháp, vui thích ở pháp; ý của vị A-la-hán đã được rèn luyện, đã được bảo vệ, đã được hộ trì, đã được thu thúc; và vị ấy thuyết pháp về sự thu thúc đối với ý.

1. *“Người ta đưa [ngựa] đã được rèn luyện đến nơi tụ hội. Đức vua cỡi lên [ngựa] đã được rèn luyện. Người đã được rèn luyện chịu đựng lời mắng nhiếc là hạng nhất giữa loài người.*

2. *Quý báu thay những con lừa đã được thuần hóa, những con ngựa Sindhu thuần chủng, và những con voi thuộc loài khổng tượng; người đã tự rèn luyện bản thân là quý báu hơn cả.*

3. *Bởi vì chẳng phải nhờ vào những cỗ xe ấy mà có thể đi đến nơi chưa đi*

đến [Niết-bàn], như là nhờ vào bản thân đã khéo được rèn luyện. Do nhờ đã được rèn luyện mà người đã được rèn luyện đi đến [Niết-bàn].

4. Các vị không lay động ở các trạng thái kiêu mạn, đã được thoát khỏi việc sanh ra lần nữa, đã đạt đến lãnh vực của các bậc đã được rèn luyện; các vị ấy là những người chiến thắng ở thế gian.

5. Vị nào có các giác quan đã được tu tập, ở nội phần, ở ngoại phần, và ở toàn thể thế gian, sau khi thấu hiểu đời này và đời sau, vị đã được tu tập chờ đợi thời điểm, vị ấy là đã được huấn luyện.”

Vị hành xả, luôn luôn có niệm.

Luôn luôn: Là mọi lúc, mọi thời, thường khi, luôn khi,... (nt)... ở chặng cuối của tuổi thọ.

Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân,... (nt)... trên các thọ,... (nt)... trên tâm, có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát pháp trên các pháp. ... (nt)... vị ấy được gọi là có niệm.

“Vị hành xả, luôn luôn có niệm” là như thế.

Ở thế gian không nghĩ [bản thân] là ngang bằng: Không làm sanh khởi ngã mạn [nghĩ rằng]: “Ta là ngang bằng” về xuất thân, hoặc về dòng dõi,... (nt)... hoặc về sự việc này khác.

“Ở thế gian không nghĩ [bản thân] là ngang bằng” là như thế.

Không [nghĩ] là có sự ưu việt, không [nghĩ] là thấp kém. Không làm sanh khởi cao ngạo [nghĩ rằng]: “Ta là tốt hơn” về xuất thân, hoặc về dòng dõi,... (nt)... hoặc về sự việc này khác. Không làm sanh khởi ngã mạn [nghĩ rằng]: “Ta là thua kém” về xuất thân, hoặc về dòng dõi,... (nt)... hoặc về sự việc này khác.

“Không [nghĩ] là có sự ưu việt, không [nghĩ] là thấp kém” là như thế.

Đối với vị ấy, không có các sự kiêu ngạo.

Đối với vị ấy: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Các sự kiêu ngạo: Có bảy sự kiêu ngạo: Kiêu ngạo do luyến ái, kiêu ngạo do sân hận, kiêu ngạo do si mê, kiêu ngạo do ngã mạn, kiêu ngạo do tà kiến, kiêu ngạo do ô nhiễm, kiêu ngạo do nghiệp. Đối với vị ấy, các sự kiêu ngạo này là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

“Đối với vị ấy, không có các sự kiêu ngạo” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Vị hành xả, luôn luôn có niệm, ở thế gian không nghĩ [bản thân] là ngang bằng, không [nghĩ] là có sự ưu việt, không [nghĩ] là thấp kém; đối với vị ấy, không có các sự kiêu ngạo.”

10.9. Đối với vị nào không có trạng thái nương tựa, sau khi đã hiểu biết giáo pháp thì không còn nương tựa, đối với vị ấy tham ái ở hữu và phi hữu không tìm thấy.

Đối với vị nào không có trạng thái nương tựa.

Đối với vị nào: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Trạng thái nương tựa: Có hai sự nương tựa: Sự nương tựa vào tham ái và sự nương tựa vào tà kiến. ... (nt)... điều này là sự nương tựa vào tham ái. ... (nt)... điều này là sự nương tựa vào tà kiến. Đối với vị ấy, sự nương tựa vào tham ái được dứt bỏ, sự nương tựa vào tà kiến được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự nương tựa vào tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự nương tựa vào tà kiến; đối với vị ấy sự nương tựa là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

“Đối với vị nào không có trạng thái nương tựa” là như thế.

Sau khi đã hiểu biết giáo pháp thì không còn nương tựa.

Sau khi đã hiểu biết: Sau khi đã hiểu biết là sau khi đã biết được, sau khi đã cân nhắc, sau khi đã xác định, sau khi đã minh định, sau khi đã làm rõ rệt. Sau khi đã hiểu biết, sau khi đã biết được, sau khi đã cân nhắc, sau khi đã xác định, sau khi đã minh định, sau khi đã làm rõ rệt rằng: “Tất cả các hành là vô thường”, “Tất cả các hành là khổ”, “Tất cả các pháp là vô ngã”,... (nt)... “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.”

Không còn nương tựa: Có hai sự nương tựa: Sự nương tựa vào tham ái và sự nương tựa vào tà kiến. ... (nt)... điều này là sự nương tựa vào tham ái. ... (nt)... điều này là sự nương tựa vào tà kiến. Sau khi dứt bỏ sự nương tựa vào tham ái, sau khi buông bỏ sự nương tựa vào tà kiến thì không nương tựa vào mắt, không nương tựa vào tai, không nương tựa vào mũi, không nương tựa vào lưỡi, không nương tựa vào thân, không nương tựa vào ý, không nương tựa vào các sắc, các thanh, các hương, các vị, các xúc, gia tộc, đồ chúng, chỗ ngụ,... (nt)... các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, không bám vào, không đến gần, không bám chặt, không hướng đến, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Sau khi đã hiểu biết giáo pháp thì không còn nương tựa” là như thế.

Đối với vị ấy tham ái ở hữu và phi hữu không tìm thấy.

Tham ái: Là tham ái cảnh sắc, tham ái cảnh thanh, tham ái cảnh khí, tham ái cảnh vị, tham ái cảnh xúc, tham ái cảnh pháp.

Đối với vị ấy: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Ở hữu: Ở hữu kiến; **ở phi hữu:** Phi hữu kiến; **ở hữu:** Ở thường kiến; **ở phi hữu:** Ở đoạn kiến; **ở hữu:** Ở sự sanh lên được lặp đi lặp lại, ở cảnh giới tái

sanh được lặp đi lặp lại, ở sự tiếp nối tái sanh được lặp đi lặp lại, ở sự sanh ra của bản ngã được lặp đi lặp lại. Đối với vị ấy, tham ái là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

“Đối với vị ấy tham ái ở hữu và phi hữu không tìm thấy” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Đối với vị nào không có trạng thái nương tựa, sau khi đã hiểu biết giáo pháp thì không còn nương tựa, đối với vị ấy tham ái ở hữu và phi hữu không tìm thấy.”

10.10. Ta nói rằng vị ấy là “bậc Yên tịnh” không trông mong về các dục. Đối với vị ấy, các sự trói buộc không tìm thấy; vị ấy đã vượt qua sự vương mắc.

Ta nói rằng vị ấy là “bậc Yên tịnh”: Ta nói về vị ấy, Ta thuyết về vị ấy, Ta phát ngôn về vị ấy, Ta giảng giải về vị ấy, Ta diễn tả về vị ấy là “bậc Yên tịnh, bậc Vắng lặng, bậc Tịch diệt, bậc Tịch tịnh.”

Ta nói rằng vị ấy là “bậc Yên tịnh” là như thế.

Không trông mong về các dục.

Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là ô nhiễm dục. Sau khi biết toàn diện về các vật dục, sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi khiến cho không còn hiện hữu các ô nhiễm dục; vị **không trông mong về các dục:** Là vị có dục đã được xa lìa, có dục đã được từ bỏ, có dục đã được tẩy trừ, có dục đã được giải thoát, có dục đã được dứt bỏ, có dục đã được buông bỏ; là vị có luyến ái ở các dục đã được xa lìa, có luyến ái đã được tách lìa, có luyến ái đã được từ bỏ, có luyến ái đã được tẩy trừ, có luyến ái đã được giải thoát, có luyến ái đã được dứt bỏ, có luyến ái đã được buông bỏ, đã không còn khao khát, đã được tịch diệt, có trạng thái mát mẻ, có sự cảm thọ lạc, sống với trạng thái cao thượng tự thân.

“Không trông mong về các dục” là như thế.

Đối với vị ấy các sự trói buộc không tìm thấy.

Các sự trói buộc: Có bốn sự trói buộc: Tham đắm là sự trói buộc về thân, sân hận là sự trói buộc về thân, sự bám víu vào giới và phạm sự là sự trói buộc về thân, sự chấp chặt “chỉ điều này là chân lý” là sự trói buộc về thân. Sự luyến ái, tham đắm vào quan điểm của bản thân là sự trói buộc về thân. Sự tức tối, sự không bằng lòng, sự sân hận về các học thuyết khác là sự trói buộc về thân. Sự bám víu vào giới và phạm sự rằng: “Họ bám víu vào giới, hoặc phạm sự, hoặc giới và phạm sự của bản thân” là sự trói buộc về thân. Quan điểm của bản thân có sự chấp chặt “chỉ điều này là chân lý” là sự trói buộc về thân.

Đối với vị ấy: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã cạn kiệt; đối với vị ấy,

các sự trôi buộc là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

“Đối với vị ấy các sự trôi buộc không tìm thấy” là như thế.

Vị ấy đã vượt qua sự vương mắc.

Sự vương mắc: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Sự vương mắc: Sự vương mắc với ý nghĩa gì? “Được trải rộng” là vương mắc, “bao quát” là vương mắc, “được lan rộng” là vương mắc, “nó lôi kéo theo” là vương mắc, “nó mang lại chất độc” là vương mắc, “truyền bá chất độc” là vương mắc, “gốc rễ của chất độc” là vương mắc, “kết quả của chất độc” là vương mắc, “sự thọ dụng chất độc” là vương mắc. Hoặc hơn nữa, “tham ái ấy là bao quát ở sắc, ở thính, ở hương, ở vị, ở xúc, ở gia tộc, ở đồ chúng, ở chỗ ngụ,... (nt)... ở các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, được trải rộng, được lan rộng” là vương mắc.

Vị ấy đã vượt qua sự vương mắc: Vị ấy đã vượt qua, đã vượt lên, đã vượt khỏi, đã vượt qua hẳn, đã vượt qua khỏi sự vương mắc, tham ái này.

“Vị ấy đã vượt qua sự vương mắc” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Ta nói rằng vị ấy là ‘bậc Yên tịnh’ không trông mong về các dục. Đối với vị ấy, các sự trôi buộc không tìm thấy; vị ấy đã vượt qua sự vương mắc.”

10.11. Đối với vị ấy, không có con cái [và] các thú nuôi, ruộng vườn và đất đai không tìm thấy. Có bản ngã hoặc không có bản ngã đều không tồn tại ở vị ấy.

Đối với vị ấy, không có con cái [và] các thú nuôi, ruộng vườn và đất đai không tìm thấy.

Không: Là sự phủ định.

Đối với vị ấy: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Con cái: Có bốn loại con cái: Con ruột là con, con nhặt được là con, con nuôi là con, học trò là con.

Các thú nuôi: Dê, cừu, gà, heo, voi, bò, ngựa, lừa.

Ruộng: Là ruộng lúa sāli, ruộng lúa mùa, ruộng đậu xanh, ruộng đậu māsā, ruộng lúa mạch, ruộng lúa mì, ruộng mè.

Đất: Là đất nhà, đất công ra vào, đất phía trước nhà, đất phía sau nhà, đất vườn, đất thổ cư.

Đối với vị ấy, không có con cái [và] các thú nuôi, ruộng vườn và đất đai không tìm thấy: Đối với vị ấy, sở hữu về con cái, hoặc sở hữu về các thú nuôi, hoặc sở hữu về ruộng vườn, hoặc sở hữu về đất đai là không có, không

hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

“Đối với vị ấy, không có con cái [và] các thú nuôi, ruộng vườn và đất đai không tìm thấy” là như thế.

Có bản ngã hoặc không có bản ngã đều không tồn tại ở vị ấy: Không có thường kiến rằng: “Có tự ngã.” Không có đoạn kiến rằng: “Không có tự ngã.” Không có điều đã được nắm lấy rằng: “Có tự ngã.” Không có điều cần được giải thoát rằng: “Không có tự ngã.” Người nào không có điều đã được nắm lấy thì người ấy không có điều cần được giải thoát, người nào không có điều cần được giải thoát thì người ấy không có điều đã được nắm lấy. Trong khi vượt qua hẳn việc nắm giữ và việc giải thoát, bậc A-la-hán vượt qua khỏi sự tiến tu và thối thất. Vị ấy đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành,... (nt)... việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy.

“Có bản ngã hoặc không có bản ngã đều không tồn tại ở vị ấy” là như thế.⁴

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng :

“Đối với vị ấy, không có con cái [và] các thú nuôi, ruộng vườn và đất đai không tìm thấy. Có bản ngã hoặc không có bản ngã đều không tồn tại ở vị ấy.”

10.12. *Vì việc nào mà các phàm phu, rồi các Sa-môn và các Bà-la-môn có thể nói về vị ấy, việc ấy đối với vị ấy là không được chú trọng; vì thế, vị ấy không xao động vì những lời nói [buộc tội].*

Vì việc nào mà các phàm phu, rồi các Sa-môn và các Bà-la-môn có thể nói về vị ấy.

Các phàm phu: “Những người sản sanh ra các ô nhiễm khác nhau” là phàm phu. “Những người có sự nhận thức sai trái về thân khác nhau chưa được phá tan” là phàm phu. “Những người tin theo nhiều vị thầy khác nhau” là phàm phu. “Những người chưa được ra khỏi mọi cảnh giới tái sanh khác nhau” là phàm phu. “Những người tạo ra các sự tạo tác khác nhau” là phàm phu. “Những người bị cuốn trôi bởi nhiều dòng lũ khác nhau” là phàm phu. “Những người bị nóng nảy bởi nhiều sự nóng nảy khác nhau” là phàm phu. “Những người bị thiêu đốt bởi nhiều sự bức bối khác nhau” là phàm phu. “Những người bị luyến ái, bị thèm khát, bị buộc trói, bị mê mẩn, bị gấn gủi, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại ở năm loại dục đa dạng” là phàm phu. “Những người bị bao bọc, bị bao trùm, bị bao kín, bị che lại, bị che kín, bị đầy kín bởi năm pháp che lấp đa dạng” là phàm phu.

Các Sa-môn: Bất cứ những người nào đã đi đến hạnh du sĩ, đã thành tựu hạnh du sĩ bên ngoài giáo pháp này.

Các Bà-la-môn: Bất cứ những người nào xưng hô với từ “ông.”

⁴ Xem đoạn dịch tương tự ở trang 70. (ND)

Vì việc nào mà các phàm phu, rồi các Sa-môn và các Bà-la-môn có thể nói về vị ấy: Các phàm phu vì sự luyến ái nào mà có thể nói, vì sự sân hận nào mà có thể nói, vì sự si mê nào mà có thể nói, vì sự ngã mạn nào mà có thể nói, vì tà kiến nào mà có thể nói, vì sự phóng dật nào mà có thể nói, vì hoài nghi nào mà có thể nói, vì các pháp tiềm ẩn nào mà có thể nói [rằng]: “Ngài là ‘kẻ bị luyến ái’, hoặc là ‘kẻ bị sân hận’, hoặc là ‘kẻ bị si mê’, hoặc là ‘kẻ bị trói buộc’, hoặc là ‘kẻ bị bám víu’, hoặc là ‘kẻ bị tán loạn’, hoặc là ‘kẻ không dứt khoát’, hoặc là ‘kẻ cứng cỏi.’” Các pháp tạo tác ấy là đã được dứt bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với các pháp tạo tác thì với cảnh giới tái sanh nào mà chúng có thể nói về vị ấy [rằng]: “[Ngài sẽ trở thành] ‘người địa ngục’, hoặc là ‘loài thú’, hoặc là ‘thân phận ngạ quỷ’, hoặc là ‘loài người’, hoặc là ‘thiên nhân’, hoặc là ‘người hữu sắc’, hoặc là ‘người vô sắc’, hoặc là ‘người hữu tướng’, hoặc là ‘người vô tướng’, hoặc là ‘người phi tướng phi phi tướng.’” Không có nhân, không có duyên, không có lý do, mà vì việc ấy họ có thể nói, có thể thuyết, có thể phát ngôn, có thể giảng giải, có thể diễn tả về vị ấy.

“Vì việc nào mà các phàm phu, rồi các Sa-môn và các Bà-la-môn có thể nói về vị ấy” là như thế.

Việc ấy đối với vị ấy là không được chú trọng.

Đối với vị ấy: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Được chú trọng: Có hai sự chú trọng: Chú trọng do tham ái và chú trọng do tà kiến. ... (nt)... điều này là chú trọng do tham ái. ... (nt)... điều này là chú trọng do tà kiến. Đối với vị ấy, sự chú trọng do tham ái đã được dứt bỏ, sự chú trọng do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự chú trọng do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự chú trọng do tà kiến; vị ấy sống, không chú trọng tham ái hoặc tà kiến, không có tham ái là ngọn cỏ, không có tham ái là biểu hiện, không có tham ái là chủ đạo, không có tà kiến là ngọn cỏ, không có tà kiến là biểu hiện, không có tà kiến là chủ đạo; vị ấy sống không bị vây quanh bởi tham ái hoặc bởi tà kiến.

“Việc ấy đối với vị ấy là không được chú trọng” là như thế.

Vì thế, vị ấy không chao đảo vì những lời nói [buộc tội].

Vì thế: Bởi điều ấy, bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy, vị ấy không chao đảo, không xao động, không dao động, không run rẩy, không chấn động, không rung động vì những lời nói [buộc tội], vì những lời gièm pha, vì sự chê bai, vì sự chê trách, vì sự không nổi tiếng, vì sự không ca tụng.

“Vì thế, vị ấy không chao đảo vì những lời nói [buộc tội]” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Vì việc nào mà các phàm phu, rồi các Sa-môn và các Bà-la-môn có thể nói về vị ấy, việc ấy đối với vị ấy là không được chú trọng; vì thế, vị ấy không chao đảo vì những lời nói [buộc tội].”

10.13. *Có sự thèm khát đã được xa lìa, không bòn xén, bậc Hiền trí không mô tả [bản thân] là trong số những người ưu việt, không là trong số những người ngang bằng, không là trong số những người thấp kém, là vị không bị sắp đặt, không đi đến sự sắp đặt [bởi tham ái và tà kiến].*

Có sự thèm khát đã được xa lìa, không bòn xén.

Thèm khát: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với người nào, sự thèm khát ấy là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, người ấy được gọi là không còn thèm khát. Người ấy không thèm khát ở sắc,... (nt)... không thèm khát ở các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, không bị buộc trói, không bị mê mẩn, không bị gần gũi, có sự thèm khát đã được xa lìa, có sự thèm khát đã được tách lìa, có sự thèm khát đã được từ bỏ, có sự thèm khát đã được tẩy trừ, có sự thèm khát đã được giải thoát, có sự thèm khát đã được dứt bỏ, có sự thèm khát đã được buông bỏ, không còn khao khát,... (nt)... sống với trạng thái cao thượng tự thân. “Có sự thèm khát đã được xa lìa” là như thế.

Không bòn xén.

Bòn xén: Có năm sự bòn xén: Bòn xén về chỗ ở, bòn xén về gia tộc, bòn xén về lợi lộc, bòn xén về danh tiếng, bòn xén về pháp; bòn xén có hình thức như vậy là... (nt)... sự nắm lấy được gọi là bòn xén. Đối với người nào, sự bòn xén này đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; người ấy được gọi là không bòn xén.

“Có sự thèm khát đã được xa lìa, không bòn xén” là như thế.

Bậc Hiền trí không mô tả [bản thân] là trong số những người ưu việt, không là trong số những người ngang bằng, không là trong số những người thấp kém.

Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,... (nt)... đã vượt qua sự quyn luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là bậc Hiền trí. [Bậc Hiền trí] không nói, không thuyết, không phát ngôn, không giảng giải, không diễn tả rằng: “Ta là tốt hơn”, hoặc “Ta là ngang bằng”, hoặc “Ta là thua kém.”

“Bậc Hiền trí không mô tả [bản thân] là trong số những người ưu việt, không là trong số những người ngang bằng, không là trong số những người thấp kém” là như thế.

Là vị không bị sắp đặt, không đi đến sự sắp đặt [bởi tham ái và tà kiến].

Sắp đặt: Có hai sự sắp đặt: Sự sắp đặt do tham ái và sự sắp đặt do tà kiến. ... (nt)... điều này là sự sắp đặt do tham ái. ... (nt)... điều này là sự sắp đặt do tà kiến. Đối với vị ấy, sự sắp đặt do tham ái đã được dứt bỏ, sự sắp đặt do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự sắp đặt do tham ái,

do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự sắp đặt do tà kiến; vị ấy không đi đến, không tiếp cận, không đi đến gần, không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt sự sắp đặt do tham ái hoặc sự sắp đặt do tà kiến. “Không đi đến sự sắp đặt [bởi tham ái và tà kiến]” là như thế.

Là vị không bị sắp đặt.

Sắp đặt: Có hai sự sắp đặt: Sự sắp đặt do tham ái và sự sắp đặt do tà kiến. ... (nt)... điều này là sự sắp đặt do tham ái. ... (nt)... điều này là sự sắp đặt do tà kiến. Đối với vị ấy, sự sắp đặt do tham ái đã được dứt bỏ, sự sắp đặt do tà kiến đã được buông bỏ. Đối với vị ấy, do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự sắp đặt do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự sắp đặt do tà kiến, vị ấy không sắp đặt, không làm sanh ra, không làm sanh khởi, không làm hạ sanh, không làm phát sanh ra sự sắp đặt do tham ái hoặc sự sắp đặt do tà kiến.

“Là vị không bị sắp đặt, không đi đến sự sắp đặt [bởi tham ái và tà kiến]” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Có sự thêm khát đã được xa lìa, không bồn xồn, bậc Hiền trí không mớ tả [bản thân] là trong số những người ưu việt, không là trong số những người ngang bằng, không là trong số những người thấp kém, là vị không bị sắp đặt, không đi đến sự sắp đặt [bởi tham ái và tà kiến].”

10.14. *Đối với vị nào ở thế gian, vật sở hữu là không có, [là vị] không sầu muộn do tình trạng không có, và không đi đến [sự lâm lĩn] ở các pháp; thật vậy, vị ấy được gọi là “bậc An tịnh.”*

Đối với vị nào ở thế gian, vật sở hữu là không có.

Đối với vị nào: Đối với vị A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt.

Vật sở hữu là không có: Đối với vị nào, bất cứ điều gì liên quan đến sắc, liên quan đến thọ, liên quan đến tưởng, liên quan đến hành, liên quan đến thức đã được nắm lấy, đã được bám víu, đã được chấp chặt, đã được bám chặt, đã được hướng đến [rằng]: “Hoặc là cái này thuộc về tôi, hoặc là cái này thuộc về những người khác” là không có, không hiện diện,... (nt)... đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

“Đối với vị nào ở thế gian, vật sở hữu là không có” là như thế.

Không sầu muộn do tình trạng không có: Không sầu muộn về vật đã bị biến đổi, hoặc là không sầu muộn khi vật bị biến đổi; [nghĩ rằng:] “Mất của ta bị biến đổi” mà không sầu muộn; [nghĩ rằng:] “Tai của ta... Mũi của ta... Lưỡi của ta... Thân của ta... Ý của ta... Các sắc của ta... Các tinh của ta... Các hương của ta... Các vị của ta... Các xúc của ta... Gia tộc của ta... Đồ chúng của ta... Chỗ ngụ của ta... Lợi lộc của ta... Danh vọng của ta... Lời khen của ta... Hạnh phúc của ta... Y phục của ta... Đồ ăn khát thực của ta... Chỗ nằm ngồi của ta... Vật dụng là thuốc men chữa bệnh của ta... Mẹ của ta... Cha của

ta... Anh [em] trai của ta... Chị [em] gái của ta... Con trai của ta... Con gái của ta... Bạn bè của ta... Thân hữu của ta... Thân quyến của ta... Những người cùng huyết thống của ta bị biến đổi” mà không sầu muộn, không mệt mỏi, không than vãn, không đầm ngực khóc lóc, không đi đến sự mê muội. “Không sầu muộn do tình trạng không có” là như vậy.

Hoặc là, bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi thọ khổ không có khoái lạc, mà không sầu muộn, không mệt mỏi, không than vãn, không đầm ngực khóc lóc, không đi đến sự mê muội. Bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi bệnh ở mắt mà không sầu muộn, không mệt mỏi, không than vãn, không đầm ngực khóc lóc, không đi đến sự mê muội. Bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi bệnh ở tai trong, bởi bệnh ở mũi, bởi bệnh ở lưỡi, bởi bệnh ở thân, bởi bệnh ở đầu, bởi bệnh ở lỗ tai, bởi bệnh ở miệng, bởi bệnh ở răng, bởi ho, bởi suyễn, bởi sổ mũi, bởi nhiệt, bởi cảm sốt, bởi đau bụng, bởi xây xẩm, bởi kiết lỵ, bởi đau bụng bão, bởi dịch tả, bởi phong cùi, bởi khô u, bởi bệnh chàm, bởi lao phổi, bởi động kinh, bởi mụn, bởi nhọt, bởi ghẻ ngứa, bởi sảy, bởi loét tay chân, bởi máu, bởi mật, bởi bệnh tiểu đường, bởi bệnh trĩ, bởi ghẻ lở, bởi loét hậu môn, bởi bệnh phát khởi từ mật, bởi bệnh phát khởi từ đàm, bởi bệnh phát khởi từ gió, bởi bệnh tổng hợp từ mật-dàm-gió, bởi bệnh sanh lên vì thay đổi thời tiết, bởi bệnh sanh lên vì bốn oai nghi không đồng đều, bởi bệnh thuộc dạng cấp tính, bởi bệnh sanh lên vì quả của nghiệp, bởi lạnh, bởi nóng, bởi đói, bởi khát, bởi các xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát, mà không sầu muộn, không mệt mỏi, không than vãn, không đầm ngực khóc lóc, không đi đến sự mê muội. “Không sầu muộn do tình trạng không có” còn là như vậy.

Hoặc là, trong khi không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại [nghĩ rằng]: “Quả thật đã có cho ta chăng? Cái ấy quả thật không có cho ta! Quả thật sẽ có cho ta chăng? Quả thật ta không đạt được cái ấy!”, mà không sầu muộn, không mệt mỏi, không than vãn, không đầm ngực khóc lóc, không đi đến sự mê muội.

“Không sầu muộn do tình trạng không có” còn là như vậy.

Và không đi đến [sự lầm lẫn] ở các pháp: Vị không đi đến sự thiên vị vì mong muốn, không đi đến sự thiên vị vì sân hận, không đi đến sự thiên vị vì si mê, không đi đến sự thiên vị vì sợ hãi, không đi đến do tác động của duyên ái, không đi đến do tác động của sân hận, không đi đến do tác động của si mê, không đi đến do tác động của ngã mạn, không đi đến do tác động của tà kiến, không đi đến do tác động của phóng dật, không đi đến do tác động của hoài nghi, không đi đến do tác động của pháp tiềm ẩn, và không bởi các pháp có tính chất phe nhóm mà bị đưa đi, bị dẫn đi, bị lôi đi, bị mang đi.

“Và không đi đến [sự lầm lẫn] ở các pháp” là như thế.

Thật vậy, vị ấy được gọi là “bậc An tịnh”: Vị ấy được gọi là, được nói ra,

được thuyết giảng, được phát ngôn, được giảng giải, được diễn tả là: “Bạc An tịnh, bậc Yên tịnh, bậc Vắng lặng, bậc Tịch diệt, bậc Tịch tịnh.”

“Thật vậy, vị ấy được gọi là ‘bậc An tịnh’” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Đối với vị nào ở thế gian, vật sở hữu là không có, [là vị] không sầu muộn do tình trạng không có, và không đi đến [sự làm lẫn] ở các pháp; thật vậy, vị ấy được gọi là ‘bậc An tịnh’.”

“Diễn giải kinh trước khi hoại rã” - Phần thứ mười.

